

Ngày soạn: 15/9/2025

Ngày dạy: /9/2025

BÀI 2. NHỮNG THỂ GIỚI THƠ

Tiết 12-22

A. NỘI DUNG VÀ THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN

I. CÁC NỘI DUNG CẦN THỰC HIỆN

1. Đọc:

VB1: *Cảm hoài* (Nỗi lòng- Đặng Dung)

VB2: *Tây Tiến* (Quang Dũng)

VB3: *Đàn ghi ta của Lor-ca* (Thanh Thảo)

Thực hành đọc: *Bài thơ số 28* (Ra-bin-đơ-ra-nát Ta-gor)

2. **Thực hành tiếng Việt:** Tác dụng của một số biện pháp tu từ trong thơ

3. **Viết:** Viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ

4. **Nói và nghe:** Trình bày kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ

II. THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN: ... tiết – KHGD

B. MỤC TIÊU KHI XÂY DỰNG CHỦ ĐỀ BÀI HỌC

I. NĂNG LỰC	
Năng lực chung	Bài học góp phần phát triển năng lực chung. - Tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn. - Giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác. - Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.
Năng lực đặc thù	<i>Năng lực ngôn ngữ</i> (đọc – viết – nói và nghe); <i>năng lực văn học</i>. - Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của thơ trữ tình hiện đại như: ngôn ngữ, hình tượng, biểu tượng, yếu tố tượng trưng, siêu thực trong thơ,... - Nhận biết được một số đặc điểm cơ bản của phong cách cổ điển và lãng mạn qua các bài thơ tiêu biểu đã học. - Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và kiến thức văn học để đánh giá, phê bình văn bản văn học, thể hiện được suy nghĩ, cảm xúc của cá nhân về văn bản văn học. - Vận dụng được kiến thức về một số biện pháp tu từ đã học để phân tích, đánh giá tác dụng của việc sử dụng các biện pháp tu từ đó trong một bài thơ. - Viết được bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ. - Biết trình bày kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ.
II. PHẨM CHẤT	
Có thái độ ngưỡng mộ đối với những tấm gương sống đẹp vì đất nước, cộng đồng, vì nền nghệ thuật lớn hướng tới con người. TH *Giáo dục truyền thống lịch sử dân tộc, lòng yêu nước, tinh thần tự hào, tự tôn dân tộc. - Nhận ra được giá trị, tầm quan trọng của truyền thống lịch sử dân tộc, lòng yêu nước, tinh thần tự hào, tự tôn dân tộc.	

C. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học

- Máy tính, ti vi (hoặc máy chiếu), tranh ảnh, sơ đồ, bảng biểu được sử dụng để dạy học đọc, viết và thực hành tiếng Việt.
- Phiếu bài tập, phiếu củng cố mở rộng, phiếu ghi chép, rubric đánh giá bài viết, bài nói (nếu có).

2. Học liệu

- Sách giáo khoa, sách giáo viên.
- Các video tư liệu, văn bản đọc hiểu.
- Bài giảng điện tử.

D. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Tiết:12,13

VĂN BẢN 1: CẢM HOÀI (NỖI LÒNG) (Đặng Dung)

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển các năng lực chung:

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của bản thân và các bạn.
- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.
- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ. Thông qua quá trình dạy **đọc, hiểu HS:**

- Nhận biết được một số đặc điểm của phong cách cổ điển được thể hiện trong bài thơ *Cảm hoài*.
- Hiểu và phân tích được giá trị nội dung và đặc sắc nghệ thuật của bài thơ (hình tượng, biểu tượng).
- Vận dụng được kiến thức và kỹ năng đã học về văn bản *Cảm hoài* để rèn luyện năng lực đọc hiểu một văn bản thơ trung đại.

2. Phẩm chất: Cảm nhận được nhiệt huyết cứu nước và vẻ đẹp tâm hồn của nhà thơ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Ti vi (hoặc máy chiếu), máy tính, Giấy A0, A3 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, STK, kế hoạch bài dạy, video liên quan, phiếu học tập, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG (5 phút)

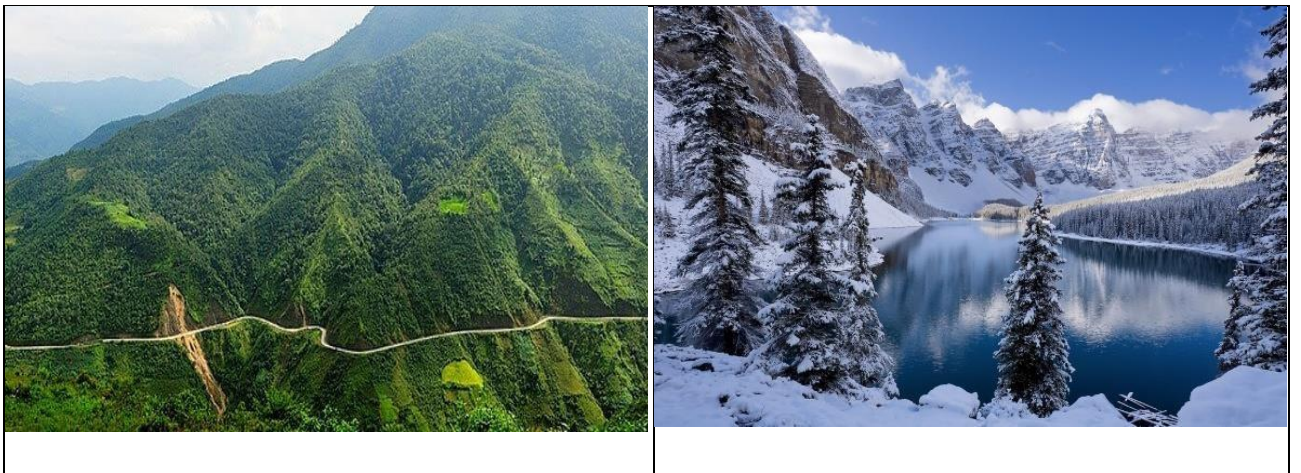
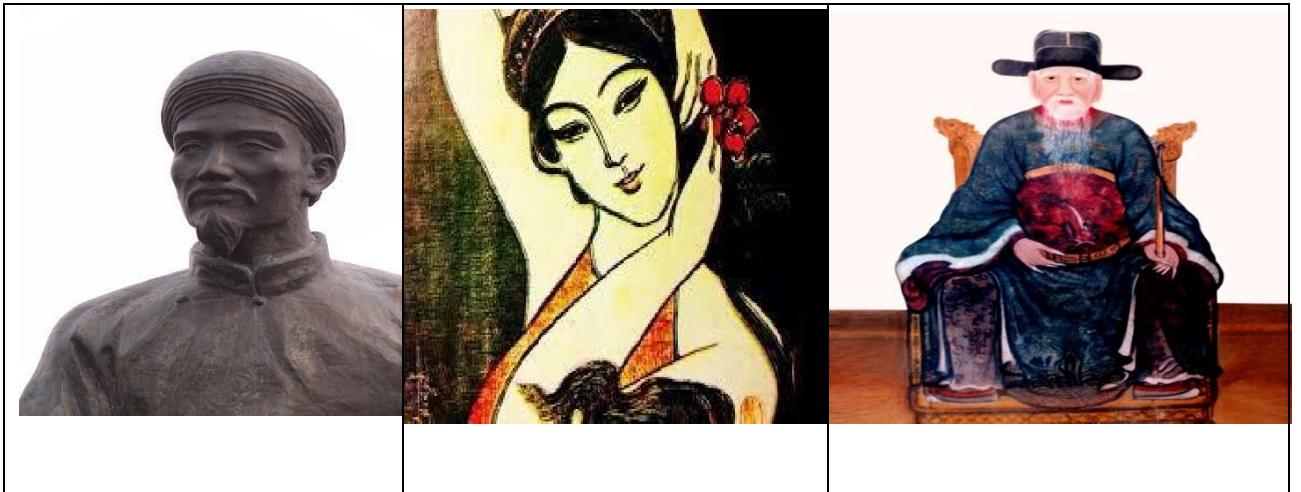
a. Mục tiêu:

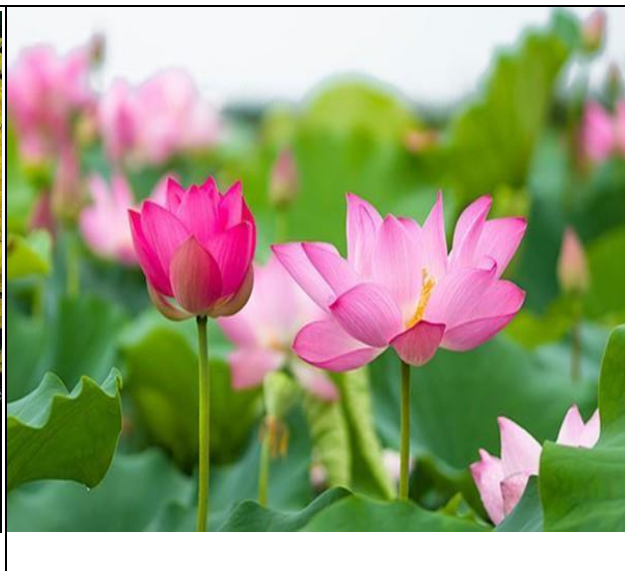
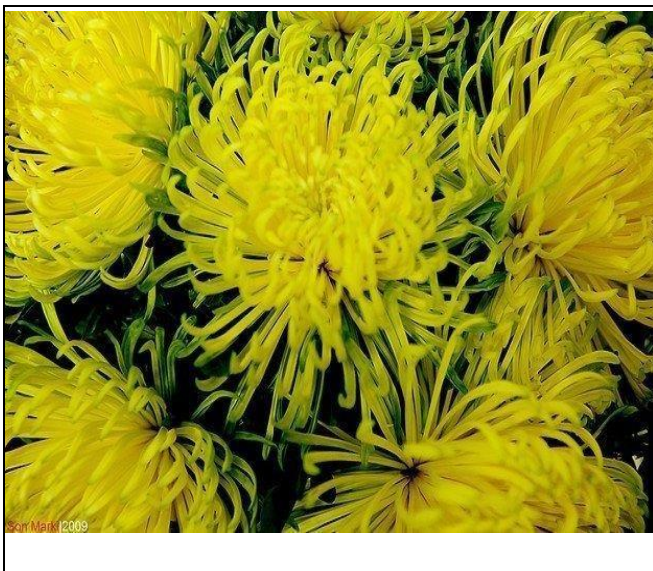
- Kết nối tri thức
- Tạo hứng thú
- Tạo ra mâu thuẫn nhận thức

b. Nội dung hoạt động: HS quan sát tranh/ hình ảnh thực hiện trò chơi đoán tên tác giả, tác phẩm và tìm chủ đề liên quan đến bài học.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:





Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu yêu cầu: 1. Quan sát tranh/ hình ảnh sau và đoán tên tác giả, tác phẩm đã học/đã biết: - HS quan sát tranh /hình ảnh: Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Trãi, Nguyễn Bình Khiêm, Phạm Ngũ Lão,... (hình ảnh bên trên). - HS quan sát tranh /hình ảnh: Cảnh đền Ngang, cảnh mùa đông, cúc mùa thu, sen mùa hạ,... (hình ảnh bên trên). 2. Nối kết các thông tin trên, hãy tìm chủ đề liên quan đến bài học (chủ đề gồm 14 chữ cái). Lưu ý: HS xung phong trả lời câu hỏi sau khi GV trình chiếu lần lượt từng hình ảnh/tranh vẽ hoặc đọc xong câu hỏi. Mỗi câu trả lời đúng về tên tác giả hoặc tác phẩm: 20 điểm Trả lời đúng chủ đề: 100 điểm Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS quan sát tranh/ hình ảnh, nghe câu hỏi, suy nghĩ trả lời. - GV quan sát, gợi ý nếu HS gặp khó khăn. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 2-3 HS trả lời nhanh. - HS khác lắng nghe, nhận xét, góp ý. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, đánh giá phần chơi của HS, trao thưởng hoặc cho điểm. - GV dẫn vào bài: Nghiêng về thể hiện những đề tài cao nhã; có cảm hứng đặc biệt với cái vĩnh hằng, bất biến; hướng về những mẫu hình lí tưởng, tôn trọng tính quy phạm của cách tổ chức các yếu tố nghệ thuật thành một cấu trúc hoàn mĩ, nhưng cũng luôn linh hoạt trong việc đề cao cá tính sáng tạo, trí tưởng tượng, sự phóng khoáng; chú trọng thể giới nội tâm với những cảm xúc mạnh mẽ, khoáng đạt, tinh tế và	- Tên tác giả: Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Trãi, Nguyễn Bình Khiêm, Phạm Ngũ Lão,... - Tên tác phẩm: <i>Qua đèo Ngang</i> (Bà Huyện Thanh Quan), <i>Vịnh mùa đông</i> (Nguyễn Công Trứ), <i>Thu vịnh</i>, <i>Thu điếu</i>, <i>Thu ẩm</i> (Nguyễn Khuyến), <i>Cảnh ngày hè</i> (Nguyễn Trãi),... => Chủ đề: Văn học trung đại

ưa dùng các yếu tố tương phản. Phong phú và hấp dẫn, hãy cùng đến với bài học ngày hôm nay để trải nghiệm!	
---	--

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (... phút)

2.1: Tìm hiểu tri thức Ngữ văn

a. Mục tiêu: Tìm hiểu chung về biểu tượng, yếu tố siêu thực trong thơ, phong cách cổ điển, phong cách lãng mạn.

b. Nội dung hoạt động: Đọc và thu thập thông tin thông qua trò chơi: **Nút phân minh.**

c. Sản phẩm: Câu trả lời chính xác của các đội chơi.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV tổ chức trò chơi: Nút phân minh. - 4 HS đại diện của 4 tổ được chọn cử tham gia trò chơi sau khi đọc Tri thức Ngữ văn khoảng 3 phút. - GV lưu ý: + Có 10 câu hỏi trong “Nút phân minh”. + Xen kẽ giữa các câu hỏi là nút may mắn với phần quà hấp dẫn. - Luật chơi: + Sau khi MC đọc xong câu hỏi, 4 đại diện tham gia chơi sẽ xung phong trả lời chọn nút Đúng hoặc nút Sai (Không sử dụng SGK, đại diện xung phong trước sẽ được trả lời trước, lần lượt cho đến hết 10 câu hỏi). + Sau 2 câu trả lời liên tiếp không đúng, HS phải nhường phần chơi cho người khác. + Người chơi chiến thắng là người chơi trả lời đúng nhiều câu hỏi nhất. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS đọc Tri thức Ngữ văn và chọn cử người tham gia trò chơi. Bước 3: Báo cáo, thảo luận 4 đại diện bắt đầu trò chơi Nút phân minh theo sự dẫn dắt của MC. Câu 1. Biểu tượng là hình ảnh mang tính ngụ ý; chứa đựng nhiều tầng nghĩa phong phú. A. Đúng B. Sai Câu 2. Ý nghĩa của biểu tượng không được bổ sung và không thể “sống” bên ngoài văn bản. A. Đúng	I. Tìm hiểu Tri thức Ngữ văn 1. Biểu tượng - Định nghĩa: Biểu tượng là hình ảnh mang tính ngụ ý, vượt lên chức năng miêu tả, tạo hình đơn giản; chứa đựng nhiều tầng nghĩa phong phú; gợi cảm nhận, suy tư về những điều mang tính phổ quát. - Đặc điểm: + Biểu tượng thường được hình thành trong khoảng thời gian dài nên ý nghĩa không ngừng được bổ sung và có thể “sống” bên ngoài văn bản. + Ngoài khả năng khái quát bản chất của một hiện tượng, biểu tượng còn thể hiện được những quan niệm, triết lý sâu sắc về con người, cuộc sống. + Quá trình hình thành biểu tượng luôn chịu sự chi phối của các yếu tố tâm lý, văn hóa,... của dân tộc và thời đại. + Trong sáng tác văn học, bên cạnh việc vận dụng những biểu tượng sẵn có, các nhà văn, nhà thơ thường sáng tạo nên những biểu tượng mới mang đậm dấu ấn cá nhân. 2. Yếu tố siêu thực trong thơ - Với độc giả: Yếu tố siêu thực trong thơ biểu hiện trước hết qua những hình ảnh có vẻ kì lạ, gắn kết với nhau theo một logic khác thường, phần nào gây cảm giác khó hiểu.

B. Sai

Câu 3. Nhà văn, nhà thơ chỉ có thể vận dụng những biểu tượng sẵn có và không được phép sáng tạo ra những biểu tượng mới mang dấu ấn cá nhân.

A. Đúng

B. Sai

Câu 4. Yếu tố siêu thực trong thơ biểu hiện trước hết qua những hình ảnh có vẻ kì lạ, gắn kết với nhau theo một logic khác thường, phân nào gây cho độc giả cảm giác khó hiểu.

A. Đúng

B. Sai

Câu 5. Thế giới thơ siêu thực có sự pha trộn giữa chiêm bao và tỉnh thức, giữa ảo giác và thực tế.

A. Đúng

B. Sai

Câu 6. Theo phong cách cổ điển, cuộc sống con người và vũ trụ được hình dung như một mô hình bất quy tắc, không cần đến tôn ti trật tự,...

A. Đúng

B. Sai

Câu 7. Phong cách cổ điển nghiêng về thể hiện những đề tài cao nhã, có cảm hứng đặc biệt với cái vĩnh hằng, bất biến; luôn hướng về những mô hình lí tưởng, tôn trọng tính quy phạm.

A. Đúng

B. Sai

Câu 8. Phong cách lãng mạn hình thành ở phương Tây vào khoảng nửa cuối thế kỉ XVIII và nửa đầu thế kỉ XIX.

A. Đúng

B. Sai

Câu 9. Chủ nghĩa lãng mạn thường theo khuynh hướng bi quan (hoài nghi thực tại, hoài niệm quá khứ).

A. Đúng

B. Sai

Câu 10. Phong cách lãng mạn thường khẳng định cái cao cả, phi thường và phủ định thực tại tầm thường, tù túng; đề cao cá tính sáng tạo, trí tưởng tượng, sự phóng khoáng; chú trọng thế giới nội tâm.

A. Đúng

B. Sai

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- Với người sáng tác:

+ Những hình ảnh ấy gắn với việc “cắt lời” của tiềm thức, vô thức.

+ Các nhà thơ siêu thực có “lời viết tự động”, để ngòi bút “buông” theo sự dẫn dắt của tiềm thức, vô thức.

+ Họ xây dựng một thế giới thơ có sự pha trộn giữa chiêm bao và tỉnh thức, giữa ảo giác và thực tế.

3. Phong cách cổ điển

- **Phong cách cổ điển** là loại phong cách sáng tác được hình thành từ thời trung đại, chịu sự chi phối của quan niệm về thế giới có tính đặc thù.

- **Theo phong cách cổ điển**, cuộc sống con người và vũ trụ được hình dung như một mô hình ổn định, có tôn ti trật tự chặt chẽ, vận động theo quy luật tuần hoàn,...

- **Đặc trưng cơ bản:**

+ Nghiêng về thể hiện những đề tài cao nhã;

+ Có cảm hứng đặc biệt với cái vĩnh hằng, bất biến;

+ Luôn hướng về những mẫu hình lí tưởng, tôn trọng tính quy phạm của cách tổ chức các yếu tố nghệ thuật thành một cấu trúc hoàn mĩ;...

4. Phong cách lãng mạn

- Phong cách lãng mạn hình thành ở phương Tây vào khoảng nửa cuối thế kỉ XVIII và nửa đầu thế kỉ XIX.

- Phân loại: Hai khuynh hướng:

+ Khuynh hướng bi quan (hoài nghi thực tại, hoài niệm quá khứ).

+ Khuynh hướng lạc quan (tin tưởng, hướng tới một thế giới tốt đẹp, lí tưởng).

- **Đặc điểm cơ bản:**

+ Khẳng định cái cao cả, phi thường và phủ định thực tại tầm thường, tù túng;

+ Đề cao cá tính sáng tạo, trí tưởng tượng, sự phóng khoáng;

+ Chú trọng thế giới nội tâm với những cảm xúc mạnh mẽ, khoáng đạt, tinh tế và ưa dùng các yếu tố tương phản.

GV nhận xét, thông qua thư ký, tổng kết điểm của 4 đại diện, khen thưởng hoặc đánh giá bằng điểm số, hệ thống, chốt kiến thức.	
--	--

2.2: Tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm

a. Mục tiêu: Nêu được ấn tượng chung về tác giả Đặng Dung và tác phẩm *Cảm hoài* (Nỗi lòng).

b. Nội dung hoạt động: Thảo luận cặp đôi, hoàn thiện bảng kiến thức và thuyết trình về tác giả và tác phẩm.

c. Sản phẩm: Bảng kiến thức về tác giả, tác phẩm và phần thuyết trình của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm	
Nhiệm vụ 1. Tìm hiểu chung về tác giả. Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Giáo viên nêu yêu cầu: + Làm việc theo cặp đôi, đọc SGK về tác giả, đọc văn bản, kết hợp nghe video giới thiệu về Đặng Dung và bài thơ <i>Cảm hoài</i> https://www.youtube.com/watch?v=hc6732Xfk1s&t=171s + Hoàn thiện bảng kiến thức về tác giả và tác phẩm: Bảng kiến thức tìm hiểu chung về tác giả	II. Đọc và tìm hiểu chung 1. Tác giả Đặng Dung	
	Phương diện tìm hiểu	Nội dung cụ thể
	Tên tuổi, quê quán	- Đặng Dung (? - 1414) quê ở huyện Thiên Lộc, nay là huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh.
	Con người, cuộc đời	- Dưới triều nhà Hồ, ông giúp cha là tướng quân Đặng Tất cai quản đất Thuận Hoá. Khi quân Minh xâm lược nước ta, ông cùng cha tham gia cuộc khởi nghĩa của Trần Ngỗi, lập nhiều công lớn, trong đó có trận thắng Bồ Cô hiển hách. Đáng tiếc là Trần Ngỗi nghe lời gièm pha, nghi kị và giết Đặng Tất. - Đặng Dung bỏ Trần Ngỗi, tôn Trần Quý Khoáng làm minh chủ, chỉ huy nghĩa quân giao chiến với quân Minh hàng trăm trận. - Năm 1414, khi thua trận, bị giặc Minh bắt giải sang Trung Quốc, ông đã tuần tiết trên đường đi.

Phương diện tìm hiểu	Nội dung cụ thể	Sự nghiệp sáng tác	Ông để lại cho đời tác phẩm duy nhất là bài thơ <i>Cảm hoài</i>
Chữ viết		Nhận xét chung	Đặng Dung không có nhiều tác phẩm được lưu truyền, song chỉ với một bài thơ, vị tướng nhà Hậu Trần đã gây dựng được ấn tượng đặc biệt đối với những người yêu thích thơ ca.
Thể thơ		2. Bài thơ <i>Cảm hoài</i>	
Nhân vật trữ tình		Phương diện tìm hiểu	Nội dung cụ thể
Phương thức biểu đạt chính		Chữ viết	Chữ viết: Chữ Hán
Kết cấu		Thể thơ	Thất ngôn bát cú Đường luật
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ theo cặp đôi - GV hỗ trợ, quan sát, khích lệ HS		Nhân vật trữ tình	Người anh hùng/ Tráng sĩ/ tác giả Đặng Dung
Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 2-3 cặp đôi lên bảng thuyết trình lần lượt về tác giả, tác phẩm dựa vào bảng kiến thức đã chuẩn bị - HS khác nhận xét, bổ sung nếu cần		Phương thức biểu đạt chính	Biểu cảm
Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chốt kiến thức.		Kết cấu	Đề - thực - luận - kết hoặc 4/4

2.3: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: Phát triển năng lực đọc hiểu theo đặc trưng thể loại cho học sinh.

- Nhận biết được một số đặc điểm của phong cách cổ điển được thể hiện trong bài thơ *Cảm hoài*.

- Hiểu và phân tích được giá trị nội dung và đặc sắc nghệ thuật của bài thơ (hình tượng, biểu tượng).

b. Nội dung hoạt động: HS hoạt động nhóm để tìm hiểu làm rõ các vấn đề: Đề tài và dấu hiệu thể loại - Nhân vật trữ tình - Phong cách cổ điển.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của cá nhân và nhóm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chia lớp thành 3 nhóm thảo luận Nhóm 1: Tìm hiểu đề tài và dấu hiệu thể loại <u>Cu thể:</u> - Bài thơ viết về đề tài gì? - Xác định dấu hiệu thể loại của bài thơ (số câu, số chữ, vần, luật B-T, niêm, đối, kết cấu). Nhóm 2: Tìm hiểu nhân vật trữ tình <u>Cu thể:</u>	III. Khám phá văn bản 1. Đề tài và dấu hiệu thể loại - Đề tài: Bài thơ viết về đề tài chí khí của người anh hùng trước vận nước. - Dấu hiệu thể loại: Bài thơ viết theo thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật, có quy định chặt chẽ về thể loại: + Số câu: 8, số chữ mỗi câu: 7, số chữ cả bài: 56 + Vần: Độc vận: “a”, vần chân ở câu 1, 2, 4, 6, 8. + Luật B-T: Bài thơ có luật Trắc, vần Bằng. + Niêm: Tiếng thứ 2 của câu 1 – 8, 2 – 3, 4 – 5, 6 – 7 cùng thanh bằng hoặc trắc. + Đối ở hai câu thực và hai câu luận. + Kết cấu: đề – thực – luận – kết hoặc 4/4. 2. Nhân vật trữ tình

- Hoàn cảnh - tình thế của nhân vật trữ tình thể hiện như thế nào qua bốn câu thơ đầu? Đối diện với hoàn cảnh - tình thế đó, nhân vật trữ tình có những cảm xúc, suy nghĩ gì? - Trong bốn câu thơ sau, tác giả đã sử dụng những biểu tượng quen thuộc của thơ trung đại để bày tỏ nỗi lòng của nhân vật trữ tình như thế nào? Phân tích ý nghĩa của hình ảnh người tráng sĩ mài gươm dưới bóng trăng. Nhóm 3: Tìm hiểu phong cách cổ điển Cu thể: Nêu một số biểu hiện của phong cách cổ điển trong bài thơ <i>Cảm hoài</i> của Đặng Dung. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm (tùy theo từng nhiệm vụ được giao). Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Các nhóm báo cáo sản phẩm: + Lượt 1: ++ Đại diện nhóm 1 báo cáo. Nhóm 2 nhận xét, bổ sung đặt câu hỏi. ++ GV tiểu kết phần 1 + Lượt 2: ++ Đại diện nhóm 2 báo cáo. Nhóm 3 nhận xét, bổ sung đặt câu hỏi. ++ GV tiểu kết phần 2 + Lượt 3: ++ Đại diện nhóm 3 báo cáo. Nhóm 1 nhận xét, bổ sung đặt câu hỏi. ++ GV tiểu kết phần 3 Bước 4: Đánh giá, kết luận GV tổ chức nhận xét, đánh giá phần làm việc của các nhóm theo Rubric và bảng kiểm, chốt vấn đề.	- Bốn câu đầu: Hoàn cảnh – tình thế và nỗi oán hận của nhân vật trữ tình + Hoàn cảnh, tình thế: ++ Việc đời: dằng dặc. ++ Nhân vật trữ tình: đã già, thù nước chưa trả mà mái tóc đã bạc sớm. ++ Liên hệ với thực tế: Quân thua tro trọi, chỉ còn khoảng 500 người, quân giặc có tới 2 chục vạn. Hơn nửa năm 1407, chúng đã thiết lập xong chính quyền đô hộ ở nước ta. Đó là tình thế “lấy một cây gỗ chống giữ ngôi nhà lớn đã xiêu vẹo” (Ngô Sĩ Liên). => Bi kịch lớn vận của vị tướng già vì bi phần và bất lực nên đành phải đắm mình vào uống rượu say mà hát. + Nỗi oán hận: ++ Gặp thời, có thể thì người bình thường như Phan Khoái, Hàn Tín cũng làm được việc lớn. ++ Mất thời, không thể thì dẫu là người tài ba, anh hùng lỗi lạc cũng đành nuốt hận mà thôi. => Câu thơ nhấn mạnh: Với người anh hùng, thời vận là yếu tố có tính quyết định. - Bốn câu sau: Nỗi lòng và ý chí của người anh hùng + Nỗi lòng thể hiện qua các biểu tượng “xoay trục đất”, “rửa binh khí”, “kéo sông Ngân”: ++ Biểu tượng kì vĩ, mang tầm vóc vũ trụ; gắn với bối cảnh đất nước và cuộc đời bi tráng của nhà thơ. ++ Biểu tượng diễn tả khát vọng lớn lao và khí phách của người anh hùng trong tình thế bầy giờ: giúp chúa khôi phục đất nước, đuổi toàn bộ quân thù ra khỏi bờ cõi để kết thúc chiến tranh, không còn phải dùng đến vũ khí. ++ Những biểu tượng này còn ẩn chứa nỗi niềm xót xa, bi phần khi nghiệp lớn không thành. + Hình tượng người tráng sĩ mài gươm dưới bóng trăng: ++ Tương phản <i>Thù nước chưa trả được</i> >< <i>đầu đã bạc</i>: Dù đã cống hiến trọn vẹn cuộc đời cho sự nghiệp cứu nước; đã bền gan vững chí vượt qua biết bao thử thách, gian nguy mà đến khi đầu bạc, nghiệp lớn vẫn chưa thành, thù nước chưa trả được. Ông hiểu rõ tình trạng “lỡ thời, thất thế” và thực tại phũ phàng, nghiệt ngã của mình. => Chất chứa nỗi xót xa, cay đắng, phần uất của người anh hùng “hùm thiêng khi đã sa cơ cũng hèn”. ++ Hình ảnh người tráng sĩ đầu đã bạc mài gươm dưới trăng: người anh hùng ấy vẫn không nản chí, không từ bỏ hoài bão lớn lao. Hình ảnh tràn đầy nhiệt huyết cứu nước, tinh thần bất khuất và ý chí chiến đấu. Bút pháp cách điệu hoá tạo thành biểu tượng đẹp một cách hùng tráng đầy khí phách.
--	--

	=> Hình tượng người tráng sĩ trong hai câu kết đã trở thành biểu tượng cho những người anh hùng thất thế mà vẫn hiên ngang, hào hùng. Vẻ đẹp bi tráng của biểu tượng này góp phần mang lại vị trí đặc biệt và sức sống bất diệt cho bài thơ. Phan Huy Chú ca ngợi: <i>Dù sau trăm đời vẫn còn tưởng thấy sinh khí凛 liệt.</i> 3. Phong cách cổ điển - Phương diện nội dung: + Đề tài: Nỗi lòng của người tráng sĩ ôm hoài bão lớn lao, cao cả. + Chủ đề: Giải bày nỗi lòng trước hoàn cảnh và thời cuộc, đồng thời thể hiện tâm trạng bi tráng và ý chí quật cường của người anh hùng. + Cảm hứng: khẳng định chí lớn theo những hình mẫu lí tưởng: xoay trục đất/ rửa bình khí và những giá trị vĩnh hằng, bất biến: khát vọng đền nợ nước – dầu đầu đã bạc vẫn mài gươm dưới bóng trăng;... - Phương diện hình thức: + Thể thơ: thất ngôn bát cú Đường luật với thi luật chặt chẽ. + Chữ viết: chữ Hán. + Không gian: vũ trụ. + Hình tượng thơ: mang tính quy phạm, giàu ý nghĩa biểu tượng “xoay trục đất”, “rửa bình khí”. + Điển tích: người hàng thịt, kẻ đi cầu, gươm Long Tuyền,... + Giọng điệu, âm hưởng bi hùng,...
--	---

RUBRIC ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG NHÓM

Cấp độ Tiêu chí	Tốt (4 điểm)	Khá (3 điểm)	Trung bình (2 điểm)	Cần điều chỉnh (1 điểm)
1. Sự tham gia	Tham gia đầy đủ và chăm chỉ làm việc trong tất cả khoảng thời gian cho phép.	Tham gia đầy đủ và chăm chỉ làm việc trong hầu hết khoảng thời gian cho phép.	Tham gia nhưng thường lãng phí thời gian và ít khi làm việc.	Tham gia nhưng thực hiện những việc không liên quan đến nhiệm vụ được giao.
2. Trao đổi và tranh luận trong nhóm	Chú ý trao đổi, lắng nghe cẩn thận các ý kiến của những người khác, đưa ra các ý kiến cá nhân.	Thường lắng nghe cẩn thận các ý kiến của người khác. Đôi khi đưa ra ý kiến riêng của bản thân.	Đôi khi không lắng nghe các ý kiến của người khác. Thường không có các ý kiến riêng trong các hoạt động của nhóm.	Không lắng nghe ý kiến của người khác, không đưa ra ý kiến riêng.
3. Sự hợp tác	Tôn trọng ý kiến của những thành viên khác và	Thường tôn trọng ý kiến của những thành viên	Tôn trọng ý kiến của những thành viên khác nhưng	Không tôn trọng ý kiến của những thành viên

	hợp tác đưa ra ý kiến chung.	viên khác và hợp tác đưa ra ý kiến chung.	hợp tác đưa ra ý kiến chung.	viên khác, không hợp tác đưa ra ý kiến chung.
4. Sự sắp xếp thời gian	Hoàn thành công việc được giao đúng thời gian, không làm đình trệ tiến triển công việc của nhóm.	Thường hoàn thành công việc được giao đúng thời gian, không làm đình trệ tiến triển công việc của nhóm.	Không hoàn thành công việc được giao đúng thời gian, làm đình trệ tiến triển công việc của nhóm.	Không hoàn thành công việc được giao đúng thời gian, thường xuyên buộc nhóm phải điều chỉnh hoặc thay đổi.

BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM TRÌNH BÀY NỘI DUNG THẢO LUẬN CỦA CÁC NHÓM

STT	Tiêu chí	Xuất hiện	Không xuất hiện
1	Thể hiện nội dung sơ sài, nghèo nàn.		
2	Thể hiện được đúng đủ nội dung.		
3	Thể hiện được sâu sắc nội dung.		
4	Thuyết trình đơn điệu, kém hấp dẫn.		
5	Thuyết trình sinh động, hấp dẫn, thuyết phục.		
6	Cách thức thể hiện và nội dung hài hòa để lại ấn tượng sâu sắc với các bạn.		

2.4. Hướng dẫn tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản.

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.
- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Hãy ghi lại ngắn gọn những ấn tượng đặc biệt của em về vẻ đẹp của bài thơ <i>Cảm hoài</i> của Đặng Dung. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 02 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 2 HS trình bày 01 phút kết quả. - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung Bước 4: Đánh giá, kết luận	IV. Tổng kết 1. Nội dung - Qua lời giải bày trước hoàn cảnh và thời cuộc, Đặng Dung thể hiện tâm trạng bi tráng và ý chí quật cường của mình trước tình thế ngặt nghèo, vận nước gian nan. - Vẻ đẹp bi tráng của người anh hùng mang âm hưởng vang vọng của hào khí Đông A. 2. Nghệ thuật - Thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật, hàm súc cô đọng. - Hình tượng giàu sức gợi, bi tráng, kì vĩ. - Biểu tượng thơ giàu ý nghĩa, hàm súc. - Điển cố tạo cho câu thơ độ súc tích và dư âm. - Giọng điệu hào hùng, bi tráng.

GV chuẩn kiến thức.	
---------------------	--

2.5. Hướng dẫn cách đọc hiểu một văn bản thuộc thể loại thơ trung đại.

a. Mục tiêu: Giúp HS nắm được cách đọc hiểu một văn bản thuộc thể loại thơ trung đại.

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cặp đôi.
- HS làm việc nhóm, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu câu hỏi: Qua quá trình đọc hiểu bài thơ <i>Cảm hoài</i> của Đặng Dung, em hãy rút ra cách đọc hiểu một tác phẩm thơ trung đại. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận cặp đôi và ghi ra giấy câu trả lời trong 02 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 2-3 cặp đôi trình bày 01 phút kết quả. - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV chuẩn kiến thức.	V. Cách đọc hiểu một văn bản thuộc thể loại thơ trung đại - Đọc, xác định đề tài và dấu hiệu thể loại. - Đọc hiểu nhân vật trữ tình. - Nhận diện những nét đặc sắc về nghệ thuật. - Đánh giá giá trị của bài thơ.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (5 phút)

a. Mục tiêu: Xác định được chủ đề, ý nghĩa của bài thơ, cách nhận diện phong cách cổ điển.

b. Nội dung: HS đọc văn bản, trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ:

Câu 1. Bài thơ *Cảm hoài* của Đặng Dung gửi gắm thông điệp gì?

Câu 2. Xác định các bước nhận diện phong cách cổ điển qua một bài thơ trung đại.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân tại lớp (khoảng 5 phút)

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV chọn 3-5 HS trình bày kết quả
- HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung nếu cần

Bước 4: Đánh giá, kết luận

Giáo viên nhận xét, hướng dẫn trả lời:

Câu 1. Bài thơ giải bày nỗi lòng trước hoàn cảnh và thời cuộc, đồng thời thể hiện tâm trạng bi tráng và ý chí quật cường của người anh hùng lỡ vận.

Câu 2. Xác định các bước nhận diện phong cách cổ điển qua một bài thơ trung đại:

Bước 1. Đọc và xác định thể loại.

Bước 2. Phong cách cổ điển thể hiện qua phương diện:

- Đề tài: cao nhã, trang nhã, thể hiện khát vọng, thông điệp cao cả.
- Cảm hứng: có cảm hứng đặc biệt với cái vĩnh hằng, bất biến.
- Hình tượng: Hướng tới hình tượng lí tưởng cao đẹp.
- Tính quy phạm: Tôn trọng tính quy phạm của cách tổ chức các yếu tố nghệ thuật thành một cấu trúc hoàn mĩ.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (5 phút)

a. Mục tiêu: Vận dụng được kiến thức và kĩ năng đã học về văn bản *Cảm hoài* để thực hiện một số nhiệm vụ thực tiễn.

b. Nội dung: Thực hiện bài tập vận dụng.

c. Sản phẩm: Đoạn văn (khoảng 150 chữ) phân tích một biểu tượng mà HS cho là đặc sắc trong bài thơ *Cảm hoài*.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV nêu yêu cầu: Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) phân tích một biểu tượng mà em cho là đặc sắc trong bài thơ *Cảm hoài*.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

HS nộp vào nhóm zalo của lớp hoặc gửi lên CLB truyền thông, trang fanpage của trường.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV giới thiệu sản phẩm của HS nêu nhận xét, đánh giá.

Rubric đánh giá đoạn văn

Tiêu chí	Mô tả tiêu chí	Điểm
Hình thức	Đảm bảo quy cách một đoạn văn với độ dài khoảng 150 chữ.	1,5
Nội dung	Phân tích một biểu tượng đặc sắc trong bài thơ <i>Cảm hoài</i> :	
	Nêu được một biểu tượng đặc sắc trong bài thơ <i>Cảm hoài</i> và lí giải vì sao.	2
	Bày tỏ cảm xúc và suy nghĩ về biểu tượng đó.	5
Chính tả, ngữ pháp	Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,5
Sáng tạo	Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề; có cách diễn đạt mới mẻ, phối hợp các phương thức biểu đạt,...	1,0

Gợi ý:

Đoạn văn tham khảo

Dù đối diện với tình thế bi kịch, thế sự hỗn loạn, và bản thân chưa tìm ra lối đi, nhưng ở phần cuối bài thơ, tác giả đã thể hiện tinh thần mạnh mẽ và quyết tâm chiến đấu: *Quốc thù vị báo đầu tiên bạch, / Kì độ Long Tuyền đới nguyệt ma*. Hình ảnh vị tướng già đau đầu với mối thù nước, nung nấu mài kiếm dưới ánh trăng, là biểu tượng của sức mạnh và quyết tâm. Dù tuổi đã cao, sức lực giảm sút, nhưng tâm hồn vẫn đầy kiên trì, bền bỉ, nhiệt huyết anh hùng, toát lên vẻ sáng tạo và ý chí mạnh mẽ, âm thầm nhưng uy nghiêm. Ý thức tuổi già đánh thức nỗi lòng, thời vận suy tàn khiến chí anh hùng bất lực. Cái day dứt trong lòng tráng sĩ không làm mờ được tráng chí mài gươm. Dầu thời vận chẳng theo cùng nhưng chí khí vẫn can trường, niềm khao khát vẫn cháy bỏng về một lúc nào đó, người tráng sĩ ấy lại được thông dong trên yên ngựa báo đáp quốc ân. Tuy là thơ của một người...ôm hận vì bất lực trước thời thế, “người đọc vẫn thấy toát lên ở đây tình cảm cao cả tràn khắp đất trời, đó là lòng yêu nước thiết tha, là niềm tin và quyết tâm bảo vệ nền độc lập dân tộc. *Cảm hoài* ra đời vào những ngày cuối cùng của nhà Trần, nhưng vẫn mang trọn hào khí dân tộc của những năm đầu dựng nước và giữ nước cả về nội dung lẫn hình thức.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Tìm đọc thêm các bài thơ có cùng đề tài, chủ đề.
- **Chuẩn bị bài:** Văn bản 2 “Tây Tiến” (Quang Dũng)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Nguyễn Thị Bích, KHBD môn Ngữ văn lớp 12, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam.
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1, 2, 3 được tập huấn.
- Một số tài liệu trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....

.....

.....

.....

Ngày soạn:

Ngày dạy:

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Tiết:14,15

VĂN BẢN 2: TÂY TIẾN (Quang Dũng)

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển các năng lực chung:

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của bản thân và các bạn.
- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.
- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ. Thông qua quá trình dạy **đọc, giúp HS:**

- Nhận biết được một số đặc điểm của phong cách lãng mạn được thể hiện trong bài thơ Tây Tiến.
- Hiểu và phân tích được giá trị nội dung và đặc sắc nghệ thuật của bài thơ (ngôn ngữ, hình tượng, biểu tượng).
- Vận dụng được kiến thức và kĩ năng đã học về văn bản *Tây Tiến*, qua đó rèn luyện năng lực đọc hiểu một bài thơ trữ tình hiện đại.

2. Phẩm chất: Cảm nhận được nhiệt huyết cứu nước và vẻ đẹp tâm hồn của một thế hệ, một thời đại; qua đó bồi đắp tình yêu quê hương xứ sở và mục đích sống cao đẹp.

***Giáo dục truyền thống lịch sử dân tộc, lòng yêu nước, tinh thần tự hào, tự tôn dân tộc.**

- Nhận ra được giá trị, tầm quan trọng của truyền thống lịch sử dân tộc, lòng yêu nước, tinh thần tự hào, tự tôn dân tộc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Ti vi (hoặc máy chiếu), máy tính, Giấy A0, A3, giấy nhớ hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, STK, kế hoạch bài dạy, video liên quan, phiếu học tập, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG (5 phút)

a. Mục tiêu:

- Kết nối tri thức
- Tạo hứng thú
- Tạo ra mâu thuẫn nhận thức

b. Nội dung hoạt động: HS quan sát các bức tranh trên màn hình và trả lời câu hỏi

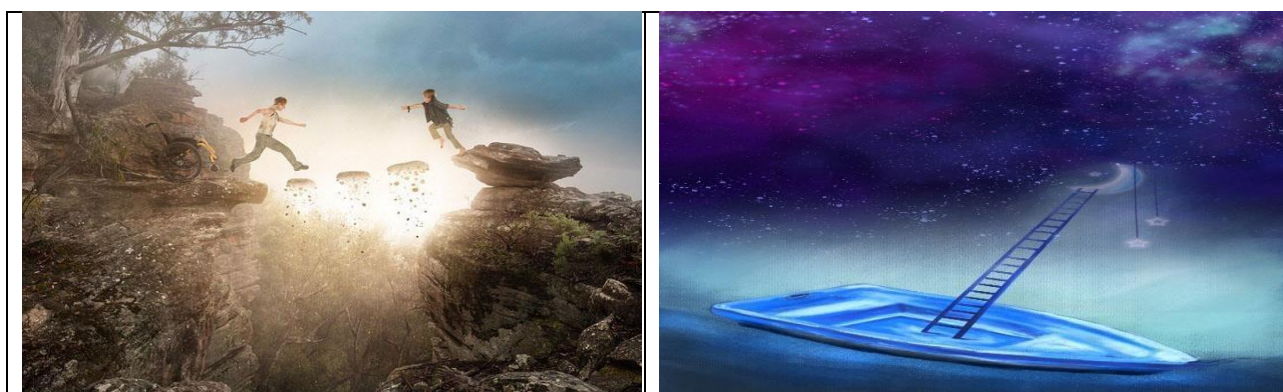
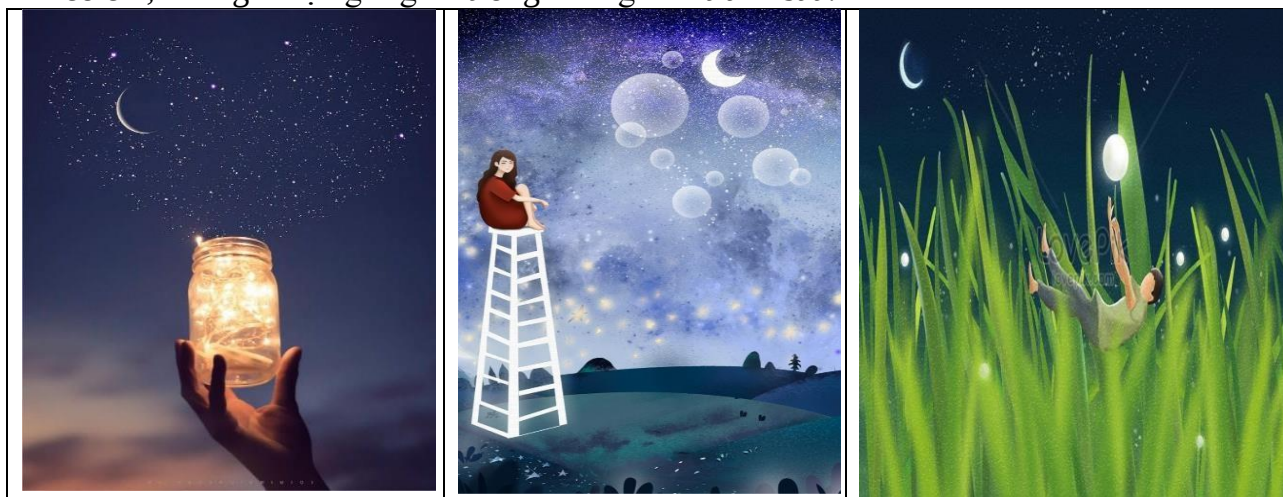
c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV nêu vấn đề:

- Theo em, điều gì được gửi gắm trong những bức tranh sau:



- Từ những bức tranh trên, em liên tưởng đến phong cách văn học nào? Hãy chia sẻ ngắn gọn hiểu biết của mình về phong cách đó.

Bước 2 : Thực hiện nhiệm vụ

- HS quan sát tranh, nghe câu hỏi, suy nghĩ trả lời.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV gọi 3-5 HS xung phong trả lời nhanh.
- HS khác lắng nghe, nhận xét, góp ý.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

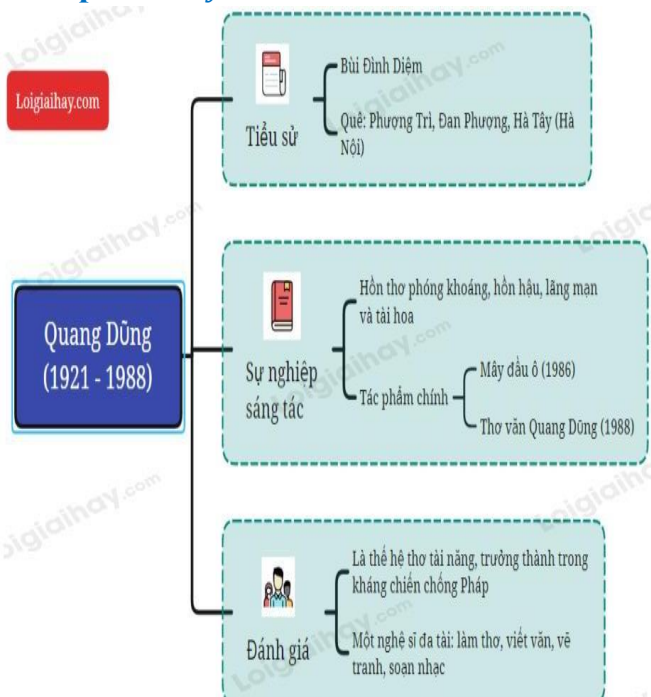
- GV nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS, trao thưởng hoặc cho điểm.
- GV dẫn vào bài: Ước mơ, mơ mộng, hòa mình vào thiên nhiên, đất trời, tình yêu vượt qua mọi trở ngại, hái trăng sao trên trời,...phải chăng là những xúc cảm phong phú của phong cách lãng mạn? Trong sáng tác văn học, phong cách lãng mạn có các đặc điểm cơ bản: khẳng định cái cao cả, phi thường và phủ định thực tại tầm thường, tù túng; đề cao cá tính sáng tạo, trí tưởng tượng, sự phóng khoáng; chú trọng thế giới nội tâm với những cảm xúc mạnh mẽ, khoáng đạt, tinh tế và ưa dùng các yếu tố tương phản. Điều đó được thể hiện như thế nào

trong thi phẩm *Tây Tiến* của nhà thơ tài hoa Quang Dũng, cô trò ta sẽ cùng khám phá nhé!

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (... phút)

2.1 : Đọc và tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm

- a. **Mục tiêu:** Nêu được ấn tượng chung về tác giả Quang Dũng và tác phẩm *Tây Tiến*.
- b. **Nội dung hoạt động:** Thuyết trình kiến thức chung về tác giả và tác phẩm.
- c. **Sản phẩm:** HS thiết kế infographic, hoàn thành bảng kiến thức và thuyết trình về tác giả Quang Dũng, bài thơ *Tây Tiến*.
- d. **Tổ chức thực hiện hoạt động:**

Hoạt động của GV và HS			Dự kiến sản phẩm		
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chia lớp thành các nhóm. Mỗi nhóm gồm 2 bàn HS quay vào nhau - Giáo viên nêu yêu cầu: + Đọc SGK trang 46, kết hợp nghe video: https://youtu.be/keXOqKTc1SY + Thiết kế infographic giới thiệu về tác giả Quang Dũng trên giấy A3 hoặc trên phần mềm Canva + Hoàn thành bảng kiến thức sau:			I. Đọc và tìm hiểu chung 1. Tác giả Quang Dũng 2. Tác phẩm <i>Tây Tiến</i> 		
Phương diện tìm hiểu	Nội dung cụ thể		Phương diện tìm hiểu	Nội dung cụ thể	
Hoàn cảnh sáng tác tác phẩm			Hoàn cảnh sáng tác tác phẩm	Năm 1948, sau khi Quang Dũng chuyển từ binh đoàn Tây Tiến sang đơn vị khác.	
Thể loại tác phẩm			Thể loại tác phẩm	Thơ trữ tình hiện đại.	
Bố cục	Đoạn 1		Bố cục	Đoạn 1	Nhân vật trữ tình nhớ về thiên nhiên miền Tây Bắc và những cuộc hành quân của đoàn quân Tây Tiến.
	Đoạn 2				
	Đoạn 3				
	Đoạn 4				
- Giáo viên lưu ý: Mỗi nhóm HS có thể chọn cách trình bày sáng tạo theo hình thức riêng về tác giả và tác phẩm.					
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm					
Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi đại diện 2 nhóm HS giới thiệu infographic và thuyết trình về tác giả Quang Dũng, bài thơ <i>Tây Tiến</i> trước lớp					

- GV hỗ trợ, quan sát, khích lệ HS - HS nhận xét lẫn nhau Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chốt kiến thức bằng infographic và bảng kiến thức. *Tích hợp nội dung giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống		Đoạn 2	Nhân vật trữ tình nhớ những kỉ niệm về tình quân dân.
		Đoạn 3	Nhân vật trữ tình nhớ về chân dung của người lính Tây Tiến.
		Đoạn 4	Nhân vật trữ tình nhớ về tinh thần người lính Tây Tiến (lời thề gắn bó với Tây Tiến và miền Tây Bắc).

2.2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- Nhận biết được một số đặc điểm của phong cách lãng mạn được thể hiện trong bài thơ *Tây Tiến*.
- Hiểu và phân tích được giá trị nội dung và đặc sắc nghệ thuật của bài thơ (ngôn ngữ, hình tượng, biểu tượng).

b. Nội dung hoạt động: HS hoạt động cá nhân và nhóm để tìm hiểu làm rõ các vấn đề: Đề tài và cảm hứng chủ đạo - Hình tượng nhân vật trữ tình - Ngôn ngữ và biểu tượng - Phong cách lãng mạn.

c. Sản phẩm: Câu trả lời và phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
NV1. Tìm hiểu đề tài và cảm hứng chủ đạo Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Bài thơ <i>Tây Tiến</i> viết về đề tài gì? - Xác định cảm hứng chủ đạo của bài thơ <i>Tây Tiến</i> . Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 3-5 HS trình bày nhanh - HS nhận xét lẫn nhau Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chốt kiến thức NV2. Tìm hiểu Tây Tiến – Thế giới của hoài ức, tâm tư qua hình tượng nhân vật trữ tình - GV chia lớp thành 5 nhóm thảo luận, hoàn thành phiếu học tập: Nhóm 1	II. Khám phá văn bản 1. Đề tài chiến tranh – Tiếng thơ thời đại - Đề tài” chiến tranh và người lính. - Cảm hứng chủ đạo: cảm hứng lãng mạn và cảm hứng bi tráng. 2. Tây Tiến – Thế giới của hoài ức, tâm tư * Nhân vật trữ tình bộc lộ trực tiếp nỗi nhớ qua hai câu thơ đầu: - Kết đọng trong nỗi nhớ: sông Mã, Tây Tiến, rừng núi, nhớ về Sông Mã là nhớ về Tây Tiến. Đó là nơi gửi chôn về trong nỗi nhớ của người lính. - Nỗi nhớ “chơi vơi” thể hiện độ lùi của thời gian và độ nhòe của cảm xúc, nỗi nhớ tiềm ẩn và lan toả, lúc đậm, lúc nhạt. => Hai câu thơ đầu đã định hướng và chi phối cảm xúc cho cả bài thơ, nỗi nhớ khơi nguồn cho kí ức lần lượt hiện về. * Hình tượng nhân vật trữ tình được khắc họa qua nỗi nhớ. Đó là nỗi nhớ về thiên nhiên (rừng núi), đoàn quân (Tây Tiến), nhớ về tình quân dân, nhớ về người lính. - Nhớ về thiên nhiên miền Tây Bắc và những cuộc hành quân của đoàn quân Tây Tiến + <i>Nhớ về thiên nhiên miền Tây Bắc</i> ++ <i>Cảnh núi rừng trong sương giăng và khói phủ:</i> +++ Địa danh: Sài Khao, Mường Lát => gợi về vùng đất hoang sơ, hẻo lánh.

Nổi nhớ trực tiếp qua hai câu thơ đầu			+++ Nét vẽ: “sương lấp” là đặc điểm của núi rừng Tây Bắc ở độ cao với sương giăng, khói phủ; “hoa về trong đêm hơi” gợi cảm giác thơ mộng, lãng mạn. +++ Phối thanh: 11/14 thanh bằng, gợi âm hưởng đều đều trong nổi nhớ. => Tạo một không khí đặc biệt vừa thiêng liêng, huyền bí vừa thơ mộng, lãng mạn. Nét vẽ về Tây Bắc được tạo nên từ hai địa điểm không gian và thời điểm khác nhau. Điều đó cho thấy kí ức hiện về với những hình ảnh ấn tượng nhất. ++ <i>Thiên nhiên hùng vĩ, dữ dội, hoang dã:</i> +++ Những từ ngữ giàu giá trị tạo hình: <i>khúc khuỷu, thăm thẳm, còn mây, sừng núi trời,...</i> => diễn tả thật đặc địa sự hiểm trở, trùng điệp và độ cao ngất trời của núi đồi miền Tây Bắc. +++ Nhịp thơ 4/3: như bẻ đôi câu thơ tạo thành giao điểm rạch ròi hai hướng lên xuống của vô vàn con dốc. Dốc núi vút lên rồi đổ xuống gần như thẳng đứng, nhìn lên cao chói vót, nhìn xuống sâu thăm thẳm. +++ Những câu thơ nhiều vần trắc đọc lên nghe vất vả, nhọc nhằn. ++ <i>Thiên nhiên thơ mộng, trữ tình:</i> +++ Một bức tranh sương khói mơ màng, hoa đưa hương trong đêm: Mường Lát hoa về trong đêm hơi. +++ Một bức tranh đầy sức gợi cảm: Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi. => vẽ nên một bức tranh mờ ảo, đầy quyến rũ. ++ <i>Thiên nhiên chứa đầy bí mật:</i> +++ Thời gian: “Chiều chiều”, “đêm đêm”, đây là khoảng thời gian cảm nhận rõ nhất sự hoang vắng, âm u, huyền bí của núi rừng Tây Bắc. +++ Địa danh: Mường Hịch gợi sự huyền bí, âm u, bí ẩn. +++ Biện pháp nhân hoá: “cọp trêu người”, “thác gầm thét”, gợi sự dữ tợn, hoang vu. => Thiên nhiên hoang dã đã ngự trị và chiếm vị trí chúa tể, luôn rình rập con người. => Tóm lại, qua ngòi bút giàu tính tạo hình, Quang Dũng đã khắc hoạ một bức tranh Tây Bắc mang đặc trưng của núi rừng với những nét vẽ gân guốc, giàu cá tính, cùng nét phác hoạ thơ mộng, nhà thơ đã truyền tải được cái hồn của thiên nhiên Tây Bắc. + <i>Nhớ về đoàn quân Tây Tiến trong những cuộc hành quân</i> ++ <i>Hình ảnh:</i> +++ “sừng núi trời”: Phác hoạ vẻ hiên ngang, hùng vĩ, trẻ trung của người lính. Hình ảnh này khiến người lính trở nên ngạo nghễ trên nền núi rừng hùng vĩ. +++ “Đoàn quân moi”: Cuộc hành quân gian khổ, khắc nghiệt, người lính đối mặt với những khó khăn, khắc nghiệt của thiên nhiên Tây Bắc.
Biểu hiện cụ thể			
Cách thức thể hiện	Từ ngữ		
	Hình ảnh		
	BPTT		
	Âm điệu		

Nhóm 2		
Nhớ về thiên nhiên miền Tây Bắc và những cuộc hành quân của đoàn quân Tây Tiến		
Những câu thơ thể hiện		
Biểu hiện cụ thể		
Cách thức thể hiện	Từ ngữ	
	Hình ảnh	
	BPTT	
	Âm điệu	

Nhóm 3		
Nhớ những kỉ niệm về tình quân dân		
Những câu thơ thể hiện		
Biểu hiện cụ thể		
Cách thức thể hiện	Từ ngữ	
	Hình ảnh	
	BPTT	
	Âm điệu	

Nhóm 4		
Nhớ về chân dung của người lính Tây Tiến		
Những câu thơ thể hiện		
Biểu hiện cụ thể		
Cách thức thể hiện	Từ ngữ	
	Hình ảnh	
	BPTT	
	Âm điệu	

Nhóm 5		
Nhớ về tinh thần người lính Tây Tiến (lời thề gắn bó với Tây Tiến và miền Tây Bắc)		
Những câu thơ thể hiện		
Biểu hiện cụ thể		
	Từ ngữ	

Cách thức thể hiện	Hình ảnh BPTT Âm điệu	
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS trao đổi thảo luận nhóm theo nhiệm vụ đã giao Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV lựa chọn HS làm MC dẫn chương trình (dựa trên hệ thống câu hỏi nhóm ở trên) thực hiện cuộc trao đổi thảo luận mang tên: <u>Tây Tiến</u> - <u>Đâu chỉ là chiến tranh?</u> - Theo sự dẫn dắt của MC, đại diện các nhóm thể hiện kết quả trao đổi của nhóm mình - HS còn lại lắng nghe, xung phong chia sẻ bổ sung tạo không khí cho cuộc trao đổi thảo luận Bước 4: Đánh giá, kết luận GV – vai chuyên gia nhận xét, chốt vấn đề. *Tích hợp nội dung giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống		
NV3. Tìm hiểu Tây Tiến - Ngôn ngữ và biểu tượng Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Phân tích một số hình thức tổ chức ngôn ngữ đặc biệt trong bài thơ <i>Tây Tiến</i>. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện nhiệm vụ cặp đôi Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 2-3 đại diện HS trình bày kết quả - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung cho nhau Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chốt kiến thức NV5. Tây Tiến - Phong cách lãng mạn Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ		
+++ “Gục lên súng mũ”: có thể hiểu là người lính đã hi sinh hoặc do quá mệt mỏi, kiệt sức và tạm thiếp đi giữa chặng đường. Hiểu theo cách nào thì cũng thể hiện sự gian, khó khăn, khí phách ngang tàng, cứng cỏi của người lính. ++ <i>Từ ngữ</i>: +++ “Nhớ ôi” là tiếng lòng, cảm xúc không thể kìm nén. +++ “cơm lên khói” là thời gian cuối ngày, là thời điểm dừng chân nơi xóm núi. +++ Địa điểm: Mai Châu => gợi tấm lòng thom thảo của người thiếu nữ Tây Bắc đã để nhớ, để thương trong tâm hồn người lính. => Qua cảm nhận của người lính, Tây Bắc không chỉ hấp dẫn bởi vẻ đẹp của thiên nhiên xứ sở mà còn hấp dẫn ở tình người. Chính tình quân dân đã để lại cảm giác dịu ngọt, lâng lâng, lan toả trong nỗi nhớ. - Nhớ những kỉ niệm về tình quân dân + Gợi nhớ lại đêm liên hoan văn nghệ của đơn vị ++ <i>Không khí</i>: +++ “Doanh trại”: thực chất đây là nơi trú quân tạm thời trên đường hành quân. Tác giả dùng từ “doanh trại” gợi về uy nghi, sang trọng. +++ “Bừng”: thể hiện dòng cảm xúc dào dạt, phấn chấn. Đó không chỉ là ánh sáng của ngọn lửa hồng mà là sự bừng sáng của tâm hồn, là niềm vui rạo rờ. +++ “Hội đuốc hoa”: từ “đuốc hoa” hay còn gọi là “hoa trức”. Từ này vốn bắt nguồn từ chữ Hán, chỉ nến thắp trong phòng tân hôn. Ở đây, chỉ đêm liên hoan văn nghệ, tạo sự liên tưởng bất ngờ và độc đáo. ++ <i>Hình ảnh những cô gái Thái</i>: đáng điệu e ấp, tình tứ trong bộ xiêm áo uốn lượn => là nhân vật trung tâm, là linh hồn của đêm văn nghệ. ++ <i>Hình ảnh những người lính</i>: +++ “Kìa em”: ngỡ ngàng, ngạc nhiên, hân hoan, vui sướng trước vẻ đẹp của cô gái Thái. +++ Say mê âm nhạc với vũ điệu mang màu sắc của xứ lạ => tâm hồn lãng mạn của người lính. => Bằng những nét bút mềm mại, tinh tế, tác giả đã vẽ đêm liên hoan văn nghệ diễn ra trong không khí ấm áp tình người, tung bừng, nhộn nhịp, có ánh sáng và nhiều màu sắc lãng mạn, thể hiện tình quân dân thấm thiết. + Vẻ đẹp thiên nhiên ++ <i>Không gian</i>: “chiều sương”, không gian giăng mắc một màn sương bao phủ với núi rừng cỏ cây gợi về hoang vắng, huyền ảo. ++ <i>Thời gian</i>: “chiều”, gợi nhớ, gợi buồn. ++ <i>Hình ảnh</i>: “hồn lau nẻo bến bờ”, gợi nét vẽ tinh tế, hư vô, hoang vắng; “dáng người trên độc mộc” sử dụng bút pháp tạo hình để vẽ nét đặc sắc của con người Tây Bắc,		

- Chỉ ra một số biểu hiện của phong cách lãng mạn trong bài thơ. Phân tích một biểu hiện mà em cho là đặc sắc.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
HS làm việc theo nhóm bàn

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV gọi một số bàn HS trình bày kết quả

- HS nhận xét lẫn nhau

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV nhận xét, chốt kiến thức

con người hài hoà với thiên nhiên đã tạo nên một bức tranh trữ tình; “người đi” không xác định, gợi sự hư ảo.

=> Nhà thơ gợi khung cảnh miền Tây bằng hình thức tự sự và những từ ngữ nhắc nhở về kí ức như “nhớ”, “thấy” để nhắc chính mình và nhắc cho những người từng đi qua Tây Tiến.

=> Nhà thơ đã dẫn người đọc vào thế giới của cái đẹp, của cõi mơ đầy ánh sáng với những yếu tố của hội hoạ, điêu khắc, âm nhạc, vũ đạo. Hồi ức và kỉ niệm hiện về thắp thoáng, mộng mơ. Ngòi bút tài hoa không chỉ tả được vẻ đẹp của người của cảnh mà còn gợi được cái hồn đắm say của thiên nhiên xứ sở.

- Nhớ về chân dung của người lính Tây Tiến

+ **Ngoại hình**

++ “Đoàn binh không mọc tóc”: có thể do bệnh sốt rét làm rụng tóc hoặc cạo tóc để tiện sinh hoạt và chiến đấu. Dù hiểu theo cách nào thì câu thơ cũng chứa đựng một hiện thực nghiệt ngã. Dù xanh xao vì đói khát, vì sốt rét nhưng qua ngòi bút lãng mạn của Quang Dũng, người lính vẫn toát lên vẻ oai hùng, oai phong, dữ dằn của những con hổ nơi rừng thiêng, vẫn gợi được cái cứng cỏi, kiên cường của những con người vào sinh ra tử, không sợ hiểm nguy, gian khổ.

++ “Quân xanh màu lá”: màu xanh của áo nguy trang, hoặc vẻ xanh xao vì thiếu thốn.

+ **Khí phách:** “Mắt trừng” là ánh mắt dữ tợn khi đối mặt với quân thù, luôn ở tư thế tấn công với khí phách hiên ngang, với tinh thần sẵn sàng bảo vệ miền biên cương của Tổ quốc.

+ **Tâm hồn:** “Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm”: mơ về mảnh đất yên bình, thanh lịch, nơi người lính đã ra đi. “Dáng kiều thơm” là dáng vẻ sang trọng, quý phái, thướt tha, duyên dáng.

=> Giấc mơ của người lính thơm mùi sách vở học trò. Nỗi nhớ in đậm dấu ấn của một tâm hồn lãng mạn, mộng mơ. Bấy nhiêu gian khổ, vất vả, mất mát, hi sinh không làm mất đi những cảm xúc mơ mộng của người lính. Tận trong sâu thẳm tâm hồn họ vẫn vẹn nguyên những ước mơ về tình yêu và hạnh phúc.

+ **Sự hi sinh**

++ Hình ảnh “mô viễn xứ”: gợi vẻ hoang vắng, lẻ loi, hàm chứa một nỗi đau thương, kết hợp với biện pháp tu từ đảo ngữ (rải rác) lại càng nhấn mạnh sự hoang lạnh.

++ “Áo bào thay chiếu anh về đất”: mang cảm giác giảm sự bi thương, đau buồn khiến bức tranh không xám lạnh mà vẫn uy nghi, sang trọng.

++ Biện pháp đối lập “mô viễn xứ” >< “trời xanh”: thể hiện sự quyết tâm, quả cảm, chiến đấu hi sinh vì Tổ quốc.

	++ <i>Từ Hán Việt</i>: “<i>viễn xứ</i>”, “<i>biên cương</i>”, “<i>áo bào</i>”, “<i>độc hành</i>”,... gọi sự sang trọng, thành kính. ++ <i>Biện pháp nói giảm nói tránh</i> “<i>về đất</i>”: bắt tử hoá người lính, thể hiện tâm thế thanh thản trước khi chết, khẳng định ý nghĩa cho sự hoá thân vào hồn thiêng sông núi để làm nên sức sống bất tử của người lính. ++ <i>Biện pháp nhân hoá</i> “<i>Sông Mã gầm lên khúc độc hành</i>”: Thiên nhiên Tây Bắc như sẽ chia những gian khổ, buồn vui, mất mát, hi sinh của người lính. Con người cảm lặng trước nỗi đau, thiên nhiên như gầm lên khúc độc hành bi tráng. => Quang Dũng thể hiện sự hi sinh nhưng không bi lụy. Đó là một hình tượng có ý nghĩa thẩm mỹ, trang trọng, thấm đượm tinh thần lãng mạn và bi tráng. Quang Dũng đã truyền được không khí và tình cảm của một thời kì lịch sử hào hùng trong sự nghiệp cứu nước của dân tộc. - Nhớ về tinh thần người lính Tây Tiến (lời thề gắn bó với Tây Tiến và miền Tây Bắc) + “Không hẹn ước”: không hẹn ngày trở về. + “Thăm thẳm”: chỉ sự xa xôi và vời vợi nghìn trùng, đầy gian khổ. + “Một chia phôi”: chỉ sự xa cách và tinh thần một đi không trở lại. + “Ai”: đoàn binh Tây Tiến + “Mùa xuân ấy”: chỉ mùa xuân 1947, gọi về kí ức của người lính. => Khổ cuối tô đậm thêm không khí chung của thời Tây Tiến. Nhịp thơ chậm, giọng thơ buồn nhưng tinh thần chung của đoạn thơ vẫn toát lên khí thế hào hùng. 3. Tây Tiến - Ngôn ngữ và biểu tượng - Trong bài thơ <i>Tây Tiến</i>, một số câu thơ được tổ chức theo hình thức ngôn ngữ đặc biệt (khác với lời nói thông thường) như: “Nhớ về rừng núi nhớ chơi vơi”; “Mường Lát hoa về trong đêm hơi”; “Heo hút cồn mây súng ngửi trời”; “Gục lên súng mũ bỏ quên đời”; “Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi”. Ví dụ: - “Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm”, sử dụng “dốc thăm thẳm”: kết hợp từ mới mẻ vì “thăm thẳm” là từ chỉ độ sâu chứ không phải độ cao. - “Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi”, sử dụng toàn thanh bằng: gọi về đẹp yên bình, nhẹ nhàng của vùng núi Tây Bắc. 4. Tây Tiến - Phong cách lãng mạn - Một số biểu hiện của phong cách lãng mạn trong bài thơ <i>Tây Tiến</i>:
--	--

	+ Cảm hứng: Khẳng định, ngợi ca lí tưởng cứu nước, khí phách anh hùng và sự hi sinh cao cả của người lính Tây Tiến. + Hình tượng: Khám phá, khắc họa vẻ đẹp tâm hồn tinh tế, phóng khoáng, mơ mộng, lãng mạn của người lính Tây Tiến. + Ngôn ngữ: Sự sáng tạo trong tổ chức theo hình thức ngôn ngữ đặc biệt, hình ảnh độc đáo. + Sử dụng nhiều yếu tố tương phản: khi khắc họa hình tượng thiên nhiên Tây Bắc và hình tượng đoàn quân Tây Tiến. - Phân tích: HS lựa chọn một biểu hiện đặc sắc và phân tích theo cảm nhận cá nhân.
--	---

2.3. Hướng dẫn tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản.

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cặp đôi.
- HS làm việc cặp đôi, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của nhóm HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV nêu yêu cầu: + Ghi lại ngắn gọn ấn tượng của em về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm ra giấy nhớ. + Trình bày kết quả trong 01 phút. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận cặp đôi và ghi ra giấy nhớ câu trả lời trong 02 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 2-3 cặp đôi trình bày kết quả trong 01 phút - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung Bước 4: Đánh giá, kết luận GV chuẩn kiến thức.	III. Tổng kết 1. Nội dung - Bài thơ đã khắc họa thành công hình tượng người lính Tây Tiến trên nền cảnh núi rừng miền Tây hùng vĩ, dữ dội, thơ mộng, trữ tình. - Hình tượng người lính Tây Tiến mang vẻ đẹp lãng mạn, đậm chất bi tráng sẽ luôn đồng hành trong trái tim và trí óc của mỗi chúng ta. 2. Nghệ thuật - Bút pháp hiện thực kết hợp với cảm hứng lãng mạn, bi tráng. - Hình ảnh thơ phong phú, gần gũi, chân thực. - Cách sử dụng ngôn từ đặc sắc: các từ chỉ địa danh, từ tượng hình, từ Hán Việt,... - Sử dụng đa dạng biện pháp tu từ: so sánh, ẩn dụ, nhân hóa. Đặc biệt ưa dùng các yếu tố tương phản. - Kết hợp chất nhạc và chất họa.

2.4. Hướng dẫn cách đọc hiểu một văn bản thuộc thể loại thơ trữ tình hiện đại

a. Mục tiêu: Giúp HS nắm được cách đọc hiểu một văn bản thuộc thể loại thơ trữ tình hiện đại.

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.
- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
------------------------	------------------

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu câu hỏi: Qua trải nghiệm đọc hiểu bài thơ <i>Tây Tiến</i> của Quang Dũng, em hãy nêu cách đọc hiểu một văn bản thuộc thể loại thơ trữ tình hiện đại. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra vở câu trả lời trong 02 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 2 HS trình bày 01 phút kết quả. - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV chuẩn kiến thức.	IV. Cách đọc hiểu một văn bản thuộc thể loại thơ trữ tình hiện đại - Đọc, xác định đề tài và cảm hứng chủ đạo. - Xác định bố cục, mạch cảm xúc. - Đọc hiểu nhân vật trữ tình. - Nhận diện những đặc sắc về nghệ thuật. - Đánh giá giá trị của bài thơ.
---	--

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (5 phút)

a. Mục tiêu: HS xác định được chủ đề của bài thơ và nhận diện phong cách lãng mạn.

b. Nội dung: HS đọc lại văn bản, trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của nhóm HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ:

Câu 1. Xác định chủ đề của bài thơ *Tây Tiến*.

Câu 2. Nêu các bước nhận diện phong cách lãng mạn qua một bài thơ trữ tình hiện đại.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ nhóm theo bàn (khoảng 3 phút)

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV chọn đại diện 2-3 nhóm HS trình bày kết quả.

- HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung nếu cần.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

Giáo viên nhận xét, hướng dẫn trả lời:

Câu 1. Chủ đề của bài thơ *Tây Tiến*:

- Bài thơ *Tây Tiến* là nỗi nhớ đồng đội, nhớ mảnh đất Tây Bắc của nhà thơ xứ Đoài. Từ đó thể hiện tấm lòng gắn bó sâu sắc của Quang Dũng với đơn vị, đồng đội, mảnh đất kháng chiến.

- Bài thơ *Tây Tiến* tái hiện, khắc họa đầy sống động chân dung lí tưởng, tâm hồn của những người lính trong thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp.

Câu 2. Các bước nhận diện phong cách lãng mạn qua một bài thơ trữ tình hiện đại:

- Bước 1. Đọc và xác định cảm hứng chủ đạo của bài thơ.

- Bước 2. Phong cách lãng mạn thể hiện qua phương diện:

+ Khẳng định cái cao cả, phi thường và phủ định thực tại tầm thường, tù túng.

+ Sáng tạo trong tổ chức hình thức bài thơ.

+ Thế giới thơ giàu trí tưởng tượng.

+ Chú trọng thế giới nội tâm với những cảm xúc mạnh mẽ, khoáng đạt, tinh tế.

+ Dùng các yếu tố tương phản.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (5 phút)

a. Mục tiêu: Vận dụng được kiến thức và kĩ năng đã học về văn bản *Tây Tiến* để thực hiện nhiệm vụ thực tiễn.

b. Nội dung: Thực hiện bài tập vận dụng.

c. Sản phẩm: Đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày cảm nhận về một nét đẹp của hình tượng người lính Tây Tiến.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV nêu yêu cầu: Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày cảm nhận của em về một nét đẹp của hình tượng người lính Tây Tiến.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân ở nhà.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS nộp sản phẩm lên nhóm zalo của lớp hoặc gửi sản phẩm lên CLB truyền thông của nhà trường/ Facebook cá nhân.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV tổ chức cho HS xem, bình chọn sản phẩm dựa theo Rubric.

- GV chọn ra 5 HS có sản phẩm chia sẻ hoặc like nhiều nhất sẽ đạt điểm cao nhất hoặc nhận được phần thưởng tuần học tốt.

Rubric đánh giá đoạn văn

Tiêu chí	Mô tả tiêu chí	Điểm
Hình thức	Đảm bảo quy cách một đoạn văn với độ dài khoảng 150 chữ.	1,5
Nội dung	Cảm nhận về một nét đẹp của hình tượng người lính Tây Tiến.	
	Nêu được một nét đẹp của người lính Tây Tiến và lí giải.	2,0
	Bày tỏ cảm xúc và suy nghĩ về nét đẹp đó.	5,0
Chính tả, ngữ pháp	Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,5
Sáng tạo	Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề; có cách diễn đạt mới mẻ, phối hợp các phương thức biểu đạt,...	1,0

Đoạn văn tham khảo

“Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa”. Cánh hoa ý tình trong câu thơ đã thực sự tạo nên nét đặc sắc cho bức tranh thiên nhiên miền Tây. Đóa hoa giữa dòng là khoảnh khắc giao tình giữa cái nhìn đa tình vốn có trong tâm hồn người lính Hà Thành trẻ tuổi và vẻ thơ mộng của cảnh sắc nơi đây. Chẳng biết hình ảnh “hoa đong đưa” khi đang “trôi dòng nước lũ” có thực hay không nhưng lại rất hòa hợp với mạch cảm hứng trữ tình của bài thơ. Cánh hoa hay là cánh mắt đong đưa, lúng liếng, làm duyên, làm dáng với người lính trẻ? Thiên nhiên chủ động đa tình hay là tâm hồn các chàng trai Tây Tiến quá đổi hào hoa, quá lãng mạn yêu đời nên mới có thể nhìn thiên nhiên bằng cái nhìn say đắm đến như vậy? Bút pháp lãng mạn với phép nhân hoá đã tạo nên nét vẽ thần tình, thấu tỏm trọn vẹn hồn sắc thiên nhiên Tây Bắc, đồng thời giúp nhà thơ chớ cả những nỗi nhớ niềm thương, những xuyên xao, bồi hồi thao thiết, cháy bỏng. Nhớ đồng đội, mong muốn một lần nữa được hòa cùng thiên nhiên và khát khao được gặp lại những con người nơi đây đã khiến hồn thơ của xứ Đoài mây trắng vút bay trên dải chiều sương Tây Bắc đầy mộng, đầy mơ.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Tìm đọc thêm các bài thơ trữ tình hiện đại có cùng đề tài, chủ đề.
- **Chuẩn bị bài:** VB3: *Đàn ghi ta của Lor-ca* (Thanh Thảo).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Nguyễn Thị Bích, KHBD môn Ngữ văn lớp 12, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam.
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1, 2, 3 được tập huấn.

- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....

.....

.....

.....

Ngày soạn:

Ngày dạy:

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Tiết:16,17

VĂN BẢN 3: ĐÀN GHI TA CỦA LOR-CA (Thanh Thảo)

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển các năng lực chung:

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của bản thân và các bạn.

- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ.

Thông qua quá trình dạy **đọc, giúp HS:**

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố nghệ thuật của thơ trữ tình hiện đại như: ngôn ngữ, hình tượng, biểu tượng, yếu tố tượng trưng, siêu thực,... được thể hiện trong bài thơ *Đàn ghi ta của Lor-ca*. Qua đó, cảm nhận được vẻ đẹp bí ẩn của hình tượng Lor-ca và sự đồng cảm, thương tiếc, ngưỡng vọng sâu sắc của Thanh Thảo với cuộc đời, số phận và thơ ca của Lor-ca.

- Rèn luyện kỹ năng phân tích, bình giảng một bài thơ được viết theo phong cách thơ hiện đại, có yếu tố tượng trưng và siêu thực.

2. Phẩm chất: Đánh giá, phê bình, thể hiện được suy nghĩ, cảm xúc của cá nhân khi tiếp nhận văn bản thơ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Ti vi (hoặc máy chiếu), máy tính, Giấy A0, A3, giấy nhớ hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, STK, kế hoạch bài dạy, video liên quan, phiếu học tập, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG (5 phút)

a. Mục tiêu:

- Kết nối tri thức
- Tạo hứng thú
- Tạo ra mâu thuẫn nhận thức

b. Nội dung hoạt động: HS quan sát các bức tranh trên màn hình và trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV nêu vấn đề:

- Theo em, những bức tranh sau nói gì?



- Từ những bức tranh trên, em liên tưởng đến trường phái/chủ nghĩa nghệ thuật nào? Hãy chia sẻ ngắn gọn hiểu biết của mình về chủ nghĩa nghệ thuật đó.

Bước 2 : Thực hiện nhiệm vụ

- HS quan sát tranh, nghe câu hỏi, suy nghĩ trả lời cá nhân.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV gọi 3-5 HS xung phong trả lời nhanh theo cảm nhận và hiểu biết cá nhân.

- HS khác lắng nghe, nhận xét, góp ý, bổ sung, phản biện.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV dự kiến kết quả:

+ **Bức tranh thứ nhất:** *Chân dung Ambroise Vollard* là một trong những bức tranh nổi tiếng của Picasso, hoàn thành vào năm 1910. Tác phẩm vẽ chân dung của Ambroise Vollard, một nhà môi giới nghệ thuật và nhà báo nổi tiếng thế kỷ 20. Họa sĩ Picasso đã sử dụng các hình khối không đồng nhất để tái hiện hình ảnh nhân vật, tạo ra một tác phẩm độc đáo và sáng tạo.

+ **Bức tranh thứ hai:** *Con mèo nuốt chửng một con chim* là một bức tranh nổi tiếng được Picasso vẽ vào năm 1939 khơi gợi những liên tưởng độc đáo được xem như một biểu tượng của sự ám ảnh và sức mạnh tự nhiên; trong khi có người lại khẳng định: Không, bức tranh này không nói về mèo. Anh ấy nói về tình hình ở Tây Ban Nha, giữa Nội chiến sắp kết thúc với chiến thắng của Franco.

- GV nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS, trao thưởng hoặc cho điểm.

- GV dẫn vào bài: Những bức tranh nổi tiếng của họa sĩ người Tây Ban Nha gợi chúng ta liên tưởng đến trường phái Siêu thực (Surrealism) là khuynh hướng nghệ thuật bắt nguồn từ chủ nghĩa Tượng trưng và phân tâm học, đặt phi lý tính lên trên lý tính. Theo chủ trương, khuynh hướng này nhằm giải phóng con người khỏi mọi xiềng xích xã hội, thể hiện nội tâm và tư duy tự nhiên, không bị gò bó bởi lý trí, lôgic, luân lý, mỹ học, kinh tế, tôn giáo. Những sáng tác của những nghệ sĩ Siêu thực ghi chép tất cả những trạng thái tâm lý luôn luôn chuyển biến trong tiềm thức, không phân biệt thực hay mộng, tỉnh hay điên, đúng hay sai. Đó là nghệ thuật, nghệ thuật luôn gắn liền với những biểu tượng, khơi mở những trường liên tưởng phong phú, độc đáo. Hôm nay cô trò mình cùng đến với một bài thơ nhuộm màu sắc tượng trưng siêu thực mang tên *Đàn ghi ta của Lor-ca* của nhà thơ Thanh Thảo để cảm

nhận nhé!

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (... phút)

2.1. Đọc và tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm

a. Mục tiêu: Nêu được ấn tượng chung về tác giả và tác phẩm.

b. Nội dung hoạt động: Thuyết trình kiến thức chung về tác giả và tác phẩm.

c. Sản phẩm: HS thảo luận cặp đôi hoàn thành phiếu học tập và thuyết trình về tác giả, tác phẩm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS			Dự kiến sản phẩm	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV nêu yêu cầu HS: + Đọc lướt văn bản, nghiên cứu kiến thức chung về tác giả, tác phẩm và hoàn thành phiếu học tập. Bảng kiến thức tìm hiểu chung về tác giả			II. Đọc và tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm 1. Tác giả Bảng phụ lục đi kèm (bên dưới) 2. Tác phẩm Bảng phụ lục đi kèm (bên dưới)	
Phương diện tìm hiểu		Nội dung cụ thể		
Tên tuổi				
Quê quán				
Cuộc đời				
Tác phẩm chính				
Phong cách thơ Thanh Thảo	Đề tài			
	Cách tiếp cận cuộc sống			
	Hướng cách tân			
	Tư duy thơ			
Bảng kiến thức tìm hiểu chung về tác phẩm				
Phương diện tìm hiểu		Nội dung cụ thể		
Xuất xứ				
Thể thơ				
Đặc điểm nổi bật				
Bố cục	Từ...			
	Từ...			
	Từ...			
	Từ...			
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện nhiệm vụ theo cặp.				
Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện HS trình bày kết quả trao đổi. - HS nhận xét lẫn nhau.				
Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chốt kiến thức.				

- GV hướng dẫn HS xem Clip giới thiệu tác giả, tác phẩm: https://www.youtube.com/watch?v=nPkscl4oiRM	
---	--

Bảng kiến thức tìm hiểu chung về tác giả

Phương diện tìm hiểu		Nội dung cụ thể
Tên tuổi		Thanh Thảo tên khai sinh là Hồ Thành Công, sinh năm 1946
Quê quán		Huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi
Cuộc đời		- Tốt nghiệp Khoa Ngữ văn trường Đại học tổng hợp Hà Nội, ông vào công tác ở chiến trường miền Nam. Từ mấy thập niên trước, ông đã được công chúng chú ý qua những tập thơ và trường ca mang diện mạo độc đáo viết về chiến tranh và thời hậu chiến. - Năm 2001, ông được tặng Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật.
Tác phẩm chính		<i>Những người đi tới biển, Dấu chân qua trăng cỏ, Những ngọn sóng mặt trời, Khối vuông ru-bích, Từ một đến một trăm...</i> Ngoài ra, ông còn viết báo, tiểu luận, phê bình văn học và nhiều thể loại khác.
Phong cách thơ Thanh Thảo	Đề tài	Thơ Thanh Thảo là tiếng nói của người tri thức nhiều suy tư, trăn trở về các vấn đề xã hội và thời đại.
	Cách tiếp cận cuộc sống	Ông luôn muốn cuộc sống được cảm nhận và thể hiện ở bề sâu nên luôn khước từ lối thể hiện dễ dãi.
	Hướng cách tân	Ông là một trong số những cây bút luôn nỗ lực cách tân thơ Việt với xu hướng đào sâu vào cái tôi nội cảm, tìm kiếm những cách biểu đạt mới qua hình thức câu thơ tự do, xóa bỏ mọi ràng buộc, khuôn sáo bằng nhịp điệu bất thường để mở đường cho một cơ chế liên tưởng phóng khoáng nhằm đem đến cho thơ một mỹ cảm hiện đại với hệ thống thi ảnh và ngôn ngữ hiện đại.
	Tư duy thơ	Giàu suy tư, mãnh liệt, phóng túng trong xúc cảm và nhuộm màu sắc tượng trưng siêu thực.

Bảng kiến thức tìm hiểu chung về tác phẩm

Phương diện tìm hiểu		Nội dung cụ thể
Xuất xứ		Rút trong tập <i>Khối vuông Ru-bích</i>
Thể thơ		Thơ tự do
Đặc điểm nổi bật		Thể hiện tư duy thơ Thanh Thảo: giàu suy tư, nhuộm màu sắc tượng trưng, siêu thực.
Bố cục	Từ câu 1 – 6	Lor-ca - con người tự do, nghệ sĩ cách tân trong khung cảnh chính trị, nghệ thuật Tây Ban Nha.
	Từ câu 7 - 18	Lor-ca với cái chết oan khuất và nỗi xót xa về sự dang dở của khát vọng cách tân nghệ thuật.
	Từ câu 19 - 22	Niềm xót thương Lor-ca.
	Từ câu 23 - 31	Suy tư về cuộc giải thoát và cách giã từ của Lor-ca.

2.2: Đọc và khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố nghệ thuật của thơ trữ tình hiện đại như: ngôn ngữ, hình tượng, biểu tượng, yếu tố tượng trưng, siêu thực,...được thể hiện trong bài thơ *Đàn ghi ta của Lor-ca*.

- Qua đó, cảm nhận được vẻ đẹp bi tráng của hình tượng Gác-xi-a Lor-ca và sự đồng cảm, thương tiếc, ngưỡng vọng sâu sắc của Thanh Thảo với cuộc đời, số phận và thơ ca của Lor-ca.

b. Nội dung hoạt động: HS hoạt động cá nhân và nhóm để tìm hiểu làm rõ các vấn đề: Dòng mạch cảm xúc - Hình tượng Lor-ca - Ngôn ngữ và nhạc tính - Biểu tượng và yếu tố tượng trưng, siêu thực qua cuộc thi *Đàn ghi ta của Lor-ca - Thế giới nào vậy gọi?*

c. Sản phẩm: Câu trả lời của cá nhân và nhóm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
NV1. Đọc và cảm nhận ban đầu về văn bản Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV lưu ý HS: + Cách đọc một bài thơ tự do, với cách ngắt, ngừng giọng khá linh hoạt, phóng túng. + Chú ý đến các thể đọc để nhấn mạnh những điểm tạo nên nhạc tính của bài thơ, những chi tiết thể hiện hình ảnh cây đàn và hình tượng Lor-ca, những cung bậc tình cảm cần thể hiện theo mạch cảm xúc của bài thơ. - GV nêu vấn đề: Em có cảm nhận gì về lời đề từ, nhạc tính của dòng thơ miêu tả tiếng đàn, hình ảnh áo choàng, những hình ảnh biểu tượng và cái chết của Lor-ca? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân đọc theo chỉ dẫn của GV, suy nghĩ và trả lời câu hỏi. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 1-2 HS đọc văn bản. - GV gọi 3-5 HS xung phong trình bày cảm nhận nhanh. - HS nhận xét lẫn nhau. Bước 4: Đánh giá, kết luận	II. Đọc và khám phá văn bản 1. Đọc và cảm nhận ban đầu về văn bản - Lời đề từ: “Khi tôi chết hãy chôn tôi với cây đàn”, thể hiện niềm đam mê nghệ thuật và lời nhắn gửi hãy biết quên nghệ thuật của Lor-ca để tìm hướng đi mới. - Nhạc tính của dòng thơ miêu tả tiếng đàn: Li-la li-la li-la là hiện tượng lấy âm, gọi hợp âm của tiếng đàn. - Hình ảnh áo choàng: thể hiện cái chết của Lor-ca, cái chết tàn bạo và kinh hoàng. - Những hình ảnh biểu tượng: <i>“tiếng ghi ta lá xanh biết mấy tiếng ghi ta tròn bọt nước vỡ tan tiếng ghi ta ròng rọc máu chảy ”</i> => Biểu tượng cho nỗi đau uất nghẹn; hình ảnh vừa biểu tượng nhưng cũng rất thực tế góp phần thể hiện cái chết kinh hoàng của Lor-ca. - Hình dung về cái chết và sự bất tử của Lor-ca: + “<i>Đường chỉ tay đã đứt</i>” => cái chết đã được dự báo từ trước. + “<i>Lor-ca bơi sang ngang trên chiếc ghi ta màu bạc</i>” => giải thoát và vẫn đam mê với nghệ thuật => tình yêu nghệ thuật là bất tử. 2. Khám phá văn bản a. Dòng mạch cảm xúc Niềm yêu mến và ngưỡng mộ trước hình ảnh Lor-ca, người nghệ sĩ tự do và đơn độc. Đau đớn, xót xa trước cái chết oan khuất của Lor-ca và nỗi tiếc nuối về sự dang dở của khát vọng cách tân nghệ thuật. Niềm xót thương không vơi bớt gửi qua hình ảnh tiếng đàn. Suy ngẫm về hình ảnh Lor-ca - cái chết và sự bất tử.

- GV nhận xét, chốt kiến thức. NV2. Khám phá văn bản Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chia lớp thành 4 nhóm thảo luận, chọn cách thức chuẩn bị cuộc thi: <i>Đàn ghi ta của Lor-ca - Thế giới nào vậy gọi?</i> Nhóm 1 - Thế giới của cảm xúc NV: Xác định mạch cảm xúc trong bài thơ. Nhóm 2 - Thế giới của Lor-ca NV: - Hình tượng Lor-ca được thể hiện như thế nào trong hai đoạn thơ đầu? Những chi tiết nào trong hai đoạn thơ cho thấy mối quan hệ giữa người nghệ sĩ với đất nước Tây Ban Nha. - Chỉ ra và phân tích hiệu quả của biện pháp tu từ được tác giả sử dụng khi miêu tả tiếng đàn trong đoạn thơ 3,4. - Phân tích những hình ảnh đan xen giữa thực và ảo thể hiện cái chết và sự bất tử của Lor-ca trong hai đoạn thơ cuối. Nhóm 3 - Thế giới của ngôn ngữ và nhạc tính NV: Nhạc tính của bài thơ được tạo nên bởi những yếu tố nào? Nhận xét về âm hưởng, giọng điệu của thi phẩm này. Nhóm 4 – Thế giới của biểu tượng và yếu tố tượng trưng, siêu thực NV: - Nêu ý nghĩa của những hình ảnh mang tính biểu tượng trong bài thơ. - Xác định yếu tố tượng	b. Đối tượng của cảm xúc: Hình tượng Lor-ca – thực và siêu thực * Hình tượng Lor-ca - Lor-ca, người nghệ sĩ tự do và đơn độc + Hình ảnh “áo choàng đỏ”: Gợi bản sắc văn hoá Tây Ban Nha và hình ảnh Lor-ca như một đấu sĩ với khát vọng dân chủ trước nền chính trị Tây Ban Nha độc tài lúc bấy giờ. + Âm thanh tiếng đàn: Đàn ghi ta là nhạc cụ của người Tây Ban Nha, thể hiện tài năng nghệ thuật của Lor-ca với khát vọng cách tân nghệ thuật. Tiếng đàn bọt nước: đẹp, mong manh mà sinh sôi bất tận như “bọt nước”. Sắc thắm dịu dàng của hoa li la (tử đinh hương) đang nở ra bát ngát trên từng giai điệu >< bối cảnh chính trị Tây Ban Nha. + Hình ảnh người nghệ sĩ “đi lang thang”; “vàng trắng chênh choáng”; “yên ngựa mỗi mòn”; hát nghêu ngao; li la...: Phong cách nghệ sĩ dân gian tự do; sự cô đơn của Lor-ca trước thời cuộc chính trị, trước nghệ thuật Tây Ban Nha già cỗi. - Lor-ca với cái chết oan khuất và nỗi xót xa về sự dang dở của khát vọng cách tân nghệ thuật + Hình ảnh: ++ Áo choàng bê bết đỏ: Gợi cảnh tượng khủng khiếp về cái chết của Lor-ca. + <i>Tiếng ghi ta nâu</i>: trầm tĩnh, nghĩ suy (màu ảm nóng); <i>tiếng ghi ta lá xanh</i>: thiết tha, hi vọng; <i>tiếng ghi ta tròn bọt nước vỡ tan</i>: bàng hoàng, tức tưởi; <i>tiếng ghi ta ròng ròng máu chảy</i>: sự đau đớn, nghẹn ngào. + Biện pháp tu từ: ++ Đối lập: <i>Hát nghêu ngao >< áo choàng bê bết đỏ</i> là sự đối lập giữa khát vọng và hiện thực phũ phàng (giữa tiếng hát yêu đời vô tư, giữa tình yêu cái đẹp và hành động tàn ác, dã man). ++ Nhân hoá: <i>Tiếng ghi ta... máu chảy</i>. ++ Hoán dụ: <i>Áo choàng, tiếng ghi ta</i>. ++ Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác: tiếng đàn mang tâm tư, thành thân phận, linh hồn, sinh thể của người tạo ra nó. ++ Gieo vần “ây”: khiến thơ như nhạc, nhạc như người. Tất cả như đang rướn mình lên kiên cường, không khuất phục. => Khắc hoạ thật ấn tượng về cái chết đầy bi phẫn của người nghệ sĩ Lor-ca. => Tiếng lòng tri âm sâu sắc đối với người nghệ sĩ, thiên tài Lor-ca. 3. Ngôn ngữ và nhạc tính - Bài thơ có cấu trúc của một ca khúc bằng thơ: Chuỗi từ “li-la li-la li-la...” có tác dụng mô phỏng chuỗi âm thanh tiếng đàn ở phần dạo đầu và phân kết thúc tạo nên những dư âm sau khi lời hát đã ngừng.
--	---

trung, siêu thực trong bài thơ và nhận xét về tác dụng của chúng.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS trao đổi thảo luận nhóm theo nhiệm vụ đã giao.
- Mỗi nhóm đã chia ở trên chọn hình thức thể hiện phù hợp (Trò chơi, thuyết trình đơn hoặc đôi, giao lưu cùng khán giả,...) để thể hiện sản phẩm nhóm đồng thời thuyết phục khán giả tin theo thể giới của nhóm mình.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV lựa chọn HS làm MC dẫn chương trình (dựa trên hệ thống câu hỏi nhóm ở trên) thực hiện dẫn chương trình cuộc thi: *Đàn ghi-ta của Lor-ca - Thế giới nào vậy gọi?*
- Theo dẫn dắt của MC, tập thể các nhóm hoặc đại diện HS các nhóm chọn hình thức thể hiện phù hợp để thuyết phục khán giả
- Khán giả theo dõi, đánh giá bằng Bảng kiểm và có thể đặt câu hỏi tìm hiểu về bài học thông qua cuộc thi.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV chốt vấn đề.
- GV căn cứ vào Bảng kiểm

của khán giả, nhận xét, đánh giá, tuyên dương, cho điểm hoặc trao thưởng cho những đại diện/nhóm có phần trình bày ấn tượng.

- Nhịp thơ phong phú, thay đổi linh hoạt, làm cho lời thơ khi bổng khi trầm, khi ngắt quãng khi liền mạch.

- Nhiều dòng thơ liên kết nhau bằng sự hợp vần (đa số là vần thông), tạo nên sự liền mạch, ngân vang trong âm hưởng thơ (*hoàng - choàng*), (*ây - mấy - chấy*), (*đàn - hoang - trắng*), (*ngang - gan*),...

- Sử dụng biện pháp điệp âm, điệp ngữ và các từ láy tạo nên sự dàu dặt, ngân nga cho các câu, đoạn và cả bài thơ (*lang thang, chênh choáng, nghêu ngao, bê bê, rờn rờn, long lanh, đơn độc, mỗi mòn, sang ngang, tiếng ghi ta, tiếng đàn, ném,...*).

=> **Bài thơ mang âm hưởng của một khúc ca bi tráng về hình tượng người anh hùng, với giọng điệu vừa lắng đọng, xót thương, cảm phần vừa bay bổng, hào sảng và kết lại với nhiều dư ba,...**

4. Biểu tượng và yếu tố tượng trưng, siêu thực

*** Biểu tượng trong bài thơ:**

- **Một số hình ảnh mang tính biểu tượng:** áo choàng, đàn ghi ta, bầu trời cô gái ấy, giọt nước mắt vàng trắng/ long lanh trong đáy giếng,...

- **Ý nghĩa của những hình ảnh mang tính biểu tượng trong bài thơ:**

- + *Áo choàng bê bê đỏ:* Gợi cảnh tượng khủng khiếp về cái chết của Lor-ca.

- + *Tiếng ghi ta nâu:* trầm tĩnh, nghĩ suy (màu ám nóng); *tiếng ghi ta lá xanh:* thiết tha, hi vọng; *tiếng ghi ta tròn bọt nước vỡ tan:* bàng hoàng, tức tưởi; *tiếng ghi ta rờn rờn máu chảy:* sự đau đớn, nghẹn ngào.

- + *giọt nước mắt vàng trắng/ long lanh trong đáy giếng:* giọt nước mắt sáng trong được ví với vàng trắng, vàng trắng nơi “đáy giếng” như giọt nước mắt muôn đời. Đem cái đẹp bao la, trường cửu đặt vào mặt nước nhỏ và sâu như một biểu tượng của niềm tin mãnh liệt nhưng âm thầm về sự bất tử của tiếng đàn Lor-ca...

*** Yếu tố tượng trưng, siêu thực trong bài thơ:**

- **Biểu hiện:** Hình ảnh thơ được tạo bằng cách kết hợp những yếu tố hiện thực với các yếu tố hoang đường, kì ảo, gợi nhiều liên tưởng.

- + **Yếu tố tượng trưng:** những hình ảnh biểu tượng như áo choàng, vàng trắng, dòng sông, tiếng đàn,...

- + **Yếu tố siêu thực:** mối quan hệ giữa thực và mộng, giữa vô thức và ý thức, để giấc mơ và hiện thực sẽ chuyển hoá thành một hiện thực khác ẩn đằng sau những hiện thực thông thường có thể tri giác được (“đường chỉ tay đã đứt, dòng sông rộng vô cùng/ Lor-ca bơi sang ngang/ trên chiếc ghi ta màu bạc”; “chàng ném lá bùa cô gái Di-gan/vào xoáy nước”;...).

	- Tác dụng: Tạo hình ảnh thơ cô đúc, có tính tượng trưng (thiên về gợi hơn là tả), logic liên kết giữa các hình ảnh thơ bị xoá mờ, kích thích sự liên tưởng, tạo ra hiệu quả “lạ hoá” và “độ mở” cho những suy tưởng tiếp nối của người đọc.
--	---

BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM TRÌNH BÀY NỘI DUNG THẢO LUẬN CỦA CÁC NHÓM

STT	Tiêu chí	Xuất hiện	Không xuất hiện
1	Thể hiện nội dung sơ sài, nghèo nàn.		
2	Thể hiện được đúng đủ nội dung.		
3	Thể hiện được sâu sắc nội dung.		
4	Thuyết trình đơn điệu, kém hấp dẫn.		
5	Thuyết trình sinh động, hấp dẫn, thuyết phục.		
6	Cách thức thể hiện và nội dung hài hòa để lại ấn tượng sâu sắc với các bạn.		

2.3. Hướng dẫn tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản.

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.
- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu vấn đề: - Nội dung trọng tâm của văn bản là gì? Những yếu tố nào về nghệ thuật đã tạo nên sức hấp dẫn của văn bản? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 02 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 2-3 HS trình bày 01 phút kết quả. - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chuẩn kiến thức.	III. Tổng kết 1. Nội dung - Bài thơ đã xây dựng được hình tượng Lor-ca với những khía cạnh khác nhau: một nghệ sĩ tự do và cô đơn, một cái chết oan khốc, bi phẫn bởi những thế lực tàn ác, một tâm hồn nghệ sĩ bất diệt. - Lor-ca là một hình tượng bi tráng về người nghệ sĩ chân chính trong một môi trường bạo lực thống trị đã sống và chết rất cao đẹp. Qua việc thể hiện cái chết đau xót của Lor-ca, bài thơ còn là tiếng nói tri âm của Thanh Thảo với nghệ thuật chân chính và nghệ sĩ Lor-ca. 2. Nghệ thuật - Hình thức nghệ thuật độc đáo: kết hợp hai yếu tố thơ và nhạc về kết cấu; mang phong cách tượng trưng pha màu sắc siêu thực rất gần gũi với phong cách thơ Lor-ca; hình ảnh thơ phong phú, ngôn từ mới mẻ hàm súc, giàu sức gợi. - Sử dụng thành công những thủ pháp tiêu biểu của thơ siêu thực, đặc biệt là chuỗi hình ảnh ẩn dụ, biểu tượng.

2.4. Hướng dẫn cách đọc hiểu một bài thơ được viết theo phong cách thơ hiện đại, có yếu tố tượng trưng và siêu thực

a. Mục tiêu: Giúp HS nắm được cách đọc hiểu một bài thơ được viết theo phong cách thơ hiện đại, có yếu tố tượng trưng và siêu thực.

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.
- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.**d. Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu câu hỏi: Qua trải nghiệm đọc hiểu bài thơ <i>Đàn ghi ta của Lor-ca</i> của Thanh Thảo, em hãy nêu cách đọc hiểu một bài thơ được viết theo phong cách thơ hiện đại, có yếu tố tượng trưng và siêu thực. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra vở câu trả lời trong 02 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 3-5 HS trình bày 01 phút kết quả. - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV chuẩn kiến thức.	IV. Cách đọc hiểu một bài thơ được viết theo phong cách thơ hiện đại, có yếu tố tượng trưng và siêu thực. - Đọc và xác định bố cục - mạch cảm xúc. - Đọc hiểu hình tượng nghệ thuật. - Đọc hiểu những hình ảnh mang nghĩa biểu tượng; xác định những yếu tố tượng trưng, siêu thực và tác dụng của nó. - Đánh giá giá trị của bài thơ.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (5 phút)

a. Mục tiêu: HS xác định được chủ đề của bài thơ và nhận diện yếu tố tượng trưng, siêu thực trong bài thơ trữ tình hiện đại.

b. Nội dung: HS đọc lại văn bản, trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của nhóm HS.

d. Tổ chức thực hiện:**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ****Nhiệm vụ:**

Câu 1. Nêu chủ đề của bài thơ. Bài thơ gợi suy nghĩ gì về sức mạnh của nghệ thuật trong đời sống?

Câu 2. Cách xác định yếu tố tượng trưng, siêu thực trong bài thơ trữ tình hiện đại.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ nhóm theo bàn (khoảng 3 phút)

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV chọn đại diện 2-3 nhóm HS trình bày kết quả.
- HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung nếu cần.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

Giáo viên nhận xét, hướng dẫn trả lời:

Câu 1.

- **Chủ đề của bài thơ:** Khắc họa cuộc đời nghệ sĩ Lor-ca với lí tưởng cách tân nghệ thuật và cái chết oan khuất, thể hiện niềm ngưỡng mộ, xót thương của tác giả đối với Lor-ca.

- **Bài thơ gợi suy nghĩ gì về sức mạnh của nghệ thuật trong đời sống:**

- + Suy nghĩ về sức mạnh của nghệ thuật qua tầm ảnh hưởng của tiếng đàn và người nghệ sĩ Lor-ca đối với đất nước Tây Ban Nha.
- + Cảm nhận về sứ mạng cao cả của nghệ thuật và những biểu tượng đẹp về hình ảnh người nghệ sĩ trong cuộc sống.
- + Nêu những thông điệp về vai trò của nghệ thuật đối với việc tạo động lực và khát vọng sống của bản thân.

Câu 2. Cách xác định yếu tố tượng trưng, siêu thực trong bài thơ trữ tình hiện đại:

- Rà kĩ văn bản, hiểu được nội dung của bài thơ.
- Tìm những hình ảnh có vẻ kì lạ, gắn kết với nhau theo một logic khác thường, cảm giác khó hiểu tạo một thế giới thơ có sự pha trộn giữa chiêm bao và tỉnh thức, giữa ảo giác và thực tế sẽ chuyển hoá thành một hiện thực khác ẩn đằng sau những hiện thực thông thường có thể tri giác được.
- Nêu tác dụng của những hình ảnh ấy.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (5 phút)

a. Mục tiêu: Vận dụng được kiến thức và kĩ năng đã học về văn bản để thực hiện nhiệm vụ thực tiễn.

b. Nội dung: Thực hiện bài tập vận dụng.

c. Sản phẩm: Đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày cảm nhận về một nét đặc sắc trong hình thức biểu đạt của bài thơ *Đàn ghi ta của Lor-ca*.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV nêu yêu cầu: Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày cảm nhận về một nét đặc sắc trong hình thức biểu đạt của bài thơ *Đàn ghi ta của Lor-ca*.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân ở nhà.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS nộp sản phẩm lên nhóm zalo của lớp hoặc gửi sản phẩm lên CLB truyền thông của nhà trường/ Facebook cá nhân.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV tổ chức cho HS xem, bình chọn sản phẩm dựa theo Rubric.
- GV chọn ra 5 HS có sản phẩm chia sẻ hoặc like nhiều nhất sẽ đạt điểm cao nhất hoặc nhận được phần thưởng tuần học tốt.

Rubric đánh giá đoạn văn

Tiêu chí	Mô tả tiêu chí	Điểm
Hình thức	Đảm bảo quy cách một đoạn văn với độ dài khoảng 150 chữ.	1,5
Nội dung	Cảm nhận về một nét đặc sắc trong hình thức biểu đạt của bài thơ <i>Đàn ghi ta của Lor-ca</i> .	
	Nêu được nét đặc sắc trong hình thức biểu đạt của bài thơ và lí giải vì sao.	2,0
	Bày tỏ cảm xúc và suy nghĩ về nét đặc sắc đó.	5,0
Chính tả, ngữ pháp	Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,5
Sáng tạo	Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề; có cách diễn đạt mới mẻ, phối hợp các phương thức biểu đạt, ...	1,0

Tham khảo đoạn văn

Thú vị và bất ngờ nhất là việc khảm vào mạch ấy những âm thanh như cách diễn tấu của nhạc công khi đệm cho người hát một ca khúc. Sự có mặt của hai chuỗi li-la li-la li- la ở phần đầu và phần kết là thế. Thú thực, khi mới đọc bài thơ này trong tập Khối vuông Rubic, tôi thấy cái chuỗi kia là một nét lạ, nhưng nhắc nghĩ: lại một trò “tân hình thức” đây. Cha Thanh Thảo này cũng bày đặt góm. Nhưng đọc kĩ hơn thì thấy hình như có một nghĩa lý nào đó hay hay, chứ không hẳn chỉ là những con âm rỗng nghĩa. Nhưng thực hư ra sao, thì cứ từ mà từ mù. Mãi sau, đọc kĩ hơn vào cấu trúc mới vỡ lẽ: té ra đây lại là sự giao duyên kì thú của thơ và nhạc. Cụ thể là giao thoa giữa thanh âm và thi ảnh. Mở đầu là hai câu:

Những tiếng đàn bọt nước/Tây Ban Nha áo choàng đỏ gắt. Thanh Thảo chọn hai hình ảnh này khởi đầu một thi phẩm giống như kiểu tạo những âm chủ cho một nhạc phẩm. Chúng là những tương phản kín đáo mà gay gắt: âm thanh hồn nhiên - sắc màu chói gắt, tiếng đàn thảo dân - áo choàng đấu sĩ, vẻ khiêm nhường - sự ngạo nghễ, niềm hân hoan - nỗi kinh hoàng, nghệ thuật - bạo lực, thân phận bọt bèo - thực tại tàn khốc... Cặp hình ảnh cứ ngỡ tương phù hợp nào ngờ lại tương tranh. Nội dung chủ đạo mà thi phẩm triển khai sẽ là phận người trong một hiện thực đầy tranh chấp đối chọi như thế. Rồi ngay sau hai câu mở đầu đó là chuỗi âm thanh li-la li-la li-la. Nó như một chuỗi nốt đàn buông do người đệm đàn (ghi ta) lướt qua hàng dây để kết thúc phần dạo, đánh dấu khoảng ngắt cho người hát chính thức bắt lời trình diễn ca khúc. Và thi phẩm cũng kết thúc bằng sự trở lại của chuỗi âm thanh ấy. Nó tựa những tiếng đàn đệm cuối cùng nhằm tạo những dư âm sau khi lời hát đã ngừng. Đây chẳng phải là một lối phối âm quen thuộc trong diễn tấu ca khúc sao? Mà cũng có thể hình dung nó như tiếng huýt sáo ngẫu hứng của người ca sĩ trên nền nhạc khi diễn tấu. Ngẫu hứng mà đầy xao xuyến. Khi âm thanh gây niềm xao xuyến thì tự nó cũng chất chứa thi vị chứ sao!...

(Trích Bài thơ “Đàn ghi ta của Lorca” của Thanh Thảo, Chu Văn Sơn, In trong tập *Thơ điệu hồn và cấu trúc*)

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Tìm đọc thêm các bài thơ được viết theo phong cách thơ hiện đại, có yếu tố tượng trưng và siêu thực.
- **Chuẩn bị bài:** Thực hành đọc: *Bài thơ số 28* (Ra-bin-đơ-ra-nát Ta-gor).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Nguyễn Thị Bích, KHBD môn Ngữ văn lớp 12, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam.
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1, 2, 3 được tập huấn.
- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....

.....

.....

.....

Ngày soạn:

Ngày dạy:

THỰC HÀNH ĐỌC

Tiết:...

BÀI THƠ SỐ 28 Ra-bin-đơ-ra-nát Ta-gor

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển các năng lực chung:

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của bản thân và các bạn.

- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ. Thông qua quá trình dạy **đọc, giúp HS:**

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của thơ trữ tình hiện đại như: ngôn ngữ, hình tượng, biểu tượng, yếu tố tượng trưng, siêu thực trong thơ, ...

- Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và kiến thức văn học để đánh giá, phê bình văn bản văn học, thể hiện được suy nghĩ, cảm xúc của cá nhân về văn bản văn học.

2. Phẩm chất: Biết trân trọng tình yêu, cuộc sống, con người và sống có ý nghĩa.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Ti vi (hoặc máy chiếu), máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, STK, kế hoạch bài dạy, video liên quan, phiếu bình chọn, phiếu học tập, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- HS có hứng thú đối với bài học.

- HS huy động được tri thức, kinh nghiệm về chủ đề sẽ học trong VB.

b. Nội dung hoạt động: Tổ chức trò chơi vịnh tranh.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ NV1: Hãy quan sát bức tranh sau: GV chiếu bức tranh minh họa  NV2: Sau thời gian chuẩn bị 1 phút, tất cả HS trong lớp tham gia xung phong vịnh tranh GV lưu ý: HS có thể đọc câu thơ của các tác giả khác nhau hoặc tự sáng tác Bước 2 + 3: Thực hiện nhiệm vụ và báo cáo - HS quan sát bức tranh, suy nghĩ, xung phong tham gia vịnh tranh.	Một số câu thơ có thể vịnh tranh: 1. <i>Cái thuở ban đầu lưu luyến ấy</i> <i>Ngàn năm hồ dễ mấy ai quên</i> (Thế Lữ) 2. <i>Gió mưa là bệnh của giờ,</i> <i>Tương tư là bệnh của tôi yêu nàng.</i> (Nguyễn Bính) 3. <i>Chân cứ bước theo nhịp hồn cử</i> <i>động</i> <i>Em là em anh đợi khắp nẻo đường.</i> (Bùi Giáng) 4. <i>Nửa sự thật không còn là sự thật,</i> <i>Tình yêu không một nửa bao giờ!</i> (Nguyễn Hoàng Sơn) 5. <i>Ôi hạnh phúc anh thấy mình nhỏ bé</i> <i>Chép tình yêu trong trang giấy thơ</i> <i>ngây</i> (Tuệ Sỹ) ...

- HS còn lại tham gia bình chọn người vịnh hay nhất và hợp với bức tranh nhất. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, đánh giá, tuyên dương câu trả lời nhanh, đúng, phù hợp, sáng tạo của HS. - GV dẫn vào bài: Tình yêu làm lung linh hơn sắc màu cuộc sống. Yêu chi phối ta từng cảm xúc, yêu ẩn trong từng ngõ góc tâm hồn, yêu hòa trong hơi thở và lắng trong những khát khao,...Khi đi trên con đường tình yêu, ta mong sao đừng yêu sai duyên và mến chẳng làm người... Vậy sao ta có thể hiểu hết người ta yêu? Hãy đến với bài học hôm nay để cảm nhận sự bí ẩn của tình yêu.	
---	--

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1: Tìm hiểu chung về tác giả và bài thơ

a. Mục tiêu: Nêu được ấn tượng chung về tác giả Ra-bin-đơ-ra-nát Ta-gor và *Bài thơ số 28*.

b. Nội dung hoạt động: Thuyết trình kiến thức chung về tác giả và bài thơ.

c. Sản phẩm: HS thuyết trình về tác giả tác giả và bài thơ.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS		Dự kiến sản phẩm	
Nhiệm vụ 1. Tìm hiểu chung về tác giả. Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Giáo viên hướng dẫn trước cho học sinh tìm hiểu ở nhà về tác giả (có thể trình bày thêm các tư liệu thu thập). Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân hoặc nhóm (đã chuẩn bị ở nhà). Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS thuyết trình nhanh 1 phút về tác giả Ra-bin-đơ-ra-nát Ta-gor trước lớp. - GV hỗ trợ, quan sát, khích lệ HS. - HS nhận xét lẫn nhau. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chốt kiến thức *Nhiệm vụ 2 : Đọc, tìm hiểu chung về văn bản Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV nêu yêu cầu HS: + Đọc chú thích SGK tr.60, đọc lướt văn bản, hoàn thành bảng kiến thức: Bảng kiến thức tìm hiểu chung <i>Bài thơ số 28</i>		I. Đọc và tìm hiểu chung 1. Tác giả Ra-bin-đơ-ra-nát Ta-gor - R.Ta-gor (1861 – 1941): Là một nhà thơ, nhà văn, đồng thời là một nhà văn hóa lớn, có nhiều đóng góp cho dân tộc Ấn Độ và nhân loại. - Ông để lại một gia tài khổng lồ các tác phẩm thuộc nhiều thể loại, nổi tiếng nhất là thơ. - Năm 1913, Ta-gor trở thành người châu Á đầu tiên được trao giải Nô-Ben về Văn học với tập <i>Thơ Dâng</i>. 2. Bài thơ số 28	
		Phương diện tìm hiểu	Nội dung cụ thể
		Thể loại văn bản	Thơ trữ tình hiện đại.
		Xuất xứ, vị trí của văn bản	- Trong tập <i>Người làm vườn</i> gồm 85 bài không có nhan đề, chỉ đánh số thứ tự của Ra-bin-đơ-ra-nát Ta-gor. - <i>Bài thơ số 28</i> là bài thơ nổi tiếng trong tập thơ <i>Người làm vườn</i> và có mặt trong nhiều tuyển tập thơ tình thế giới.
Phương diện tìm hiểu	Nội dung cụ thể		
Thể loại văn bản			
Xuất xứ, vị trí của văn bản			

Phương thức biểu đạt chính		Phương thức biểu đạt chính	Biểu cảm
Nhân vật trữ tình		Nhân vật trữ tình	Anh
Bố cục văn bản	Phần 1	Bố cục văn bản	Phần 1 (từ đầu đến <i>không biết gì tất cả về anh</i>): Khát vọng hòa hợp trong tình yêu.
	Phần 2		Phần 2 (tiếp theo đến <i>em có biết gì biên giới của nó đâu</i>): Khát vọng dâng hiến trong tình yêu.
	Phần 3		Phần 3 (Còn lại): Sự vô cùng của cuộc đời – trái tim – tình yêu.
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện nhiệm vụ theo cặp Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS nhận xét lẫn nhau. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chốt kiến thức.			

2.2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của thơ trữ tình hiện đại như: ngôn ngữ, hình tượng, biểu tượng, yếu tố tượng trưng, siêu thực trong thơ, ...
- Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và kiến thức văn học để đánh giá, phê bình văn bản văn học, thể hiện được suy nghĩ, cảm xúc của cá nhân về văn bản văn học.

b. Nội dung hoạt động: HS hoạt động nhóm ở nhà để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật của văn bản thông qua chương trình dự thi *Chúng tôi nói về sắc màu tình yêu trong bài thơ số 28*.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đã hoàn thiện của nhóm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chia lớp thành 5 nhóm hướng dẫn HS trao đổi nhóm trước ở nhà theo những gợi dẫn: 1. Tìm hiểu những hình ảnh biểu tượng cho tình yêu trong bài thơ. 2. Tìm hiểu đặc điểm của thể thơ, ngôn ngữ, hình tượng trong bài thơ. HS tạo lập Clip thuyết trình về những vấn đề đã gợi dẫn trên (không quá 5 phút).	II. Khám phá văn bản 1. Hệ thống hình ảnh giàu tính biểu tượng a. Hình ảnh biểu tượng cho khát vọng hòa hợp trong tình yêu - Đôi mắt: Băn khoăn, buồn, muốn nhìn sâu vào tâm tưởng của anh. => Đôi mắt rụt rè, chất chứa suy tư khao khát khám phá thế giới tâm hồn bí ẩn của người yêu. Đó là tâm trạng chung của những người đang yêu. => Đôi mắt không chỉ là cửa sổ tâm hồn, chứa đựng suy tư của con người mà còn là ngọn nguồn của tình yêu. - Hình ảnh so sánh tượng trưng: + Mắt em – trắng: Thế giới nội tâm phong phú, trong sáng. + Tâm tưởng của anh – biển cả: Thế giới bí ẩn, bao la.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS tổ chức cuộc thi: <i>Chúng tôi nói về sắc màu tình yêu trong bài thơ số 28</i> - GV chọn MC dẫn dắt, dưới sự điều khiển của MC, 5 Clip sẽ được trình chiếu trước lớp để dự thi: <i>Chúng tôi nói về sắc màu tình yêu trong bài thơ số 28</i> Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Các Clip lần lượt được trình chiếu trước lớp. - HS quan sát, lắng nghe và nhận xét, bổ sung, bình chọn clip yêu thích nhất Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chốt vấn đề. - Giải thưởng được trao cho Clip được bình chọn nhiều nhất.	=> Trăng và biển là biểu tượng thiên nhiên sóng đôi, thể hiện khát khao hòa chung tâm tưởng của đôi tình nhân được đẩy lên đỉnh điểm. Hình ảnh so sánh trong sáng, điểm lệ, tiêu biểu cho quan niệm về con người của Ta-gor và Ấn Độ. b. Hình ảnh biểu tượng cho khát vọng dâng hiến trong tình yêu - Hình ảnh tượng trưng trong cấu trúc giả định: + Nếu cuộc đời là viên ngọc: Nguyễn “đập vỡ”, “xâu thành chuỗi tràng vào cổ em”. + Nếu cuộc đời là đóa hoa: “hái nó đặt lên mái tóc em”. - Hình ảnh tượng trưng trong sự phủ định: Nhưng A (không là B) lại là C (đời anh không là ngọc, là hoa mà là trái tim không biên giới) => Nhấn mạnh khát vọng tận hiến nồng nhiệt của chàng trai. c. Hình ảnh biểu tượng cho sự vô cùng của cuộc đời: Trái tim – tình yêu - Trái tim (cụ thể) – phút giây lạc thú (trừu tượng) – nở ra thành nụ cười nhẹ nhõm. - Trái tim (cụ thể) – khổ đau (trừu tượng) – tan thành lệ trong, phản chiếu nỗi niềm u ất. => Hai trạng thái tâm lý trái ngược nhau: Niềm vui và nỗi buồn, từ đó thể hiện khát khao phơi trải cho người mình yêu thấu suốt trái tim,... 2. Đặc điểm của thể thơ, ngôn ngữ, hình tượng thơ. - Thể thơ: tự do phóng khoáng, phù hợp với mạch xúc cảm của nhà thơ. - Ngôn ngữ, giọng điệu: thay đổi linh hoạt, lúc tha thiết, nồng nàn, lúc lại băng khuâng, tiếc nuối... thể hiện tâm trạng phức tạp của nhân vật trữ tình. - Hình tượng thơ: trừu tượng, sâu sắc.
---	---

2.3. Hướng dẫn tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản.

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.
- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu vấn đề: - HS làm việc cặp đôi - Đề xuất các ý trả lời cho từng câu hỏi và trình bày các ý đó trong 1 phút. Câu 1. Triết lí sâu sắc nhất mà em nhận được từ <i>Bài thơ số 28</i> là gì?	III. Tổng kết 1. Nội dung <i>Bài thơ số 28</i> đòi hỏi con người hướng tới một tình yêu hòa hợp về tâm hồn. Tình yêu không bao giờ có giới hạn. Muốn có hạnh phúc trong tình yêu, muốn có tình yêu trọn vẹn chỉ có một

Câu 2. Những yếu tố nào về nghệ thuật đã tạo nên sức hấp dẫn của bài thơ? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 02 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 2 HS trình bày 01 phút kết quả. - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung Bước 4: Đánh giá, kết luận GV chuẩn kiến thức.	cách là luôn khám phá cái bí ẩn, cái sâu xa của tình yêu. 2. Nghệ thuật - Ta-gor đã vận dụng bút pháp hướng nội, thực hiện lối cấu trúc theo tầng bậc: từ thấp lên cao hoặc ngược lại từ ngoài vào trong. - Nghệ thuật miêu tả thế giới nội tâm: Dùng hình ảnh “đôi mắt”. - Thủ pháp so sánh, tượng trưng, ẩn dụ. - Giọng điệu vừa trữ tình vừa triết lí sâu xa,...
---	---

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

- a. **Mục tiêu:** HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.
- b. **Nội dung:** HS viết đoạn văn cảm nhận về một hình ảnh tượng trưng trong bài thơ.
- c. **Sản phẩm:** Bài tập đã hoàn thành của HS.
- d. **Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ: Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) cảm nhận về một hình ảnh tượng trưng trong *Bài thơ số 28*.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân ở nhà.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS chuyển sản phẩm lên nhóm lớp, Google tài liệu hoặc Padlet.
- GV nhận xét, đánh giá và hướng dẫn HS tự đánh giá theo Rubric.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

Học sinh tự đánh giá điểm bài viết theo Rubric.

Rubric đánh giá đoạn văn

Tiêu chí	Mô tả tiêu chí	Điểm
Hình thức	Đảm bảo hình thức và dung lượng của đoạn văn (khoảng 150 chữ).	1,0
Nội dung	Cảm nhận về một hình ảnh tượng trưng trong <i>Bài thơ số 28</i> .	
	Lựa chọn và giới thiệu một hình ảnh tượng trưng trong bài thơ.	1,0
	Nêu cụ thể những nét nghĩa khác nhau của hình ảnh đó.	3,0
	Cảm nhận về những tầng nghĩa đã tìm được.	3,0
Chính tả, ngữ pháp	Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	1,0
Sáng tạo	Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề; có cách diễn đạt mới mẻ, phối hợp các phương thức biểu đạt,...	1,0

Đoạn văn tham khảo

Trong *Bài thơ số 28*, nhân vật trữ tình phát hiện ra tình yêu của em qua *đôi mắt buồn* với khát vọng được hiểu nhau, được hòa nhập; nhưng đó cũng chính là khoảnh khắc anh phát hiện ra tình yêu của chính mình đầy bí ẩn. Đôi mắt của người con gái như hàm chứa sự rụt rè, chất chứa bao suy tư khao khát khám phá thế giới tâm hồn của người yêu. Với Ta-gor, đôi mắt không chỉ là cửa sổ tâm hồn, chứa đựng suy tư của con người mà còn là ngọn nguồn của tình yêu. Bởi vậy ông lại một lần nữa đem hình ảnh đầy biểu tượng ấy đặt vào trong phép so sánh tượng trưng: *Mắt* em ví với *trăng* để gợi lên thế giới nội tâm phong phú, trong sáng. Trong khi đó *tâm tưởng* của anh lại đem ví với *biển cả* để gợi về một thế giới bí ẩn, bao la.

Tác giả vẽ lên *trăng* và *biển* - biểu tượng thiên nhiên sóng đôi, thể hiện khát khao hòa chung tâm tưởng của đôi tình nhân được đẩy lên đỉnh điểm. Hình ảnh so sánh trong sáng, diễm lệ, tiêu biểu cho quan niệm về con người của Ta-gor và Ấn Độ. Chính nhờ vậy mà người đọc nhận ra: Đốt cháy tận cùng lí trí để thành tình cảm và đốt cháy tận cùng tình cảm để thành lí trí, tất cả tạo sự hòa điệu giữa chất trữ tình nồng nàn và nét thâm trầm suy tư của một hồn thơ giàu chất triết lí. *Bài thơ số 28* đã thực sự khiến người đọc phải thích một cách nhìn, một cách nghĩ, một cách cảm xúc, một cách nói, ...

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS tái hiện văn bản bằng một hình thức nghệ thuật phù hợp với năng lực.

b. Nội dung: Thực hiện bài tập vận dụng.

c. Sản phẩm: Tác phẩm nghệ thuật mang tính sáng tạo của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV nêu yêu cầu: HS thực hiện cuộc thi *Vẽ lên sắc màu tình yêu* từ *Bài thơ số 28*.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS kết nối với cuộc sống, tìm hiểu thêm những thông tin về tác phẩm và sáng tạo sản phẩm của nhóm hoặc cá nhân.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

HS chụp sản phẩm hoặc quay clip giới thiệu sản phẩm rồi nộp vào nhóm zalo của lớp hoặc gửi lên CLB truyền thông, trang fanpage của trường.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV giới thiệu sản phẩm của HS và nêu nhận xét, đánh giá bằng khen thưởng hoặc lấy điểm quá trình.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Tìm đọc thêm các văn bản thơ trữ tình hiện đại có cùng đề tài, chủ đề.
- **Chuẩn bị bài: Thực hành tiếng Việt:** Tác dụng của một số biện pháp tu từ trong thơ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa Ngữ văn 12, KNTTVCS, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam.
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1, 2, 3 được tập huấn.
- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....

.....

.....

.....

Ngày soạn:

Ngày dạy:

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Tiết:18

TÁC DỤNG CỦA MỘT SỐ BIỆN PHÁP TU TỪ TRONG THƠ

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển các năng lực chung:

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của bản thân và các bạn.

- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ. Thông qua quá trình dạy **thực hành Tiếng Việt, giúp HS:**

- Nhận biết, phân tích, đánh giá được tác dụng của một số biện pháp tu từ trong thơ.

2. Phẩm chất: Trân trọng, giữ gìn và phát huy vẻ đẹp của tiếng Việt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Ti vi (hoặc máy chiếu), máy tính, Giấy A3 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, STK, kế hoạch bài dạy, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG (5 phút)

a. Mục tiêu:

- Kết nối tri thức
- Tạo hứng thú
- Tạo ra mâu thuẫn nhận thức

b. Nội dung hoạt động: HS nghe hát, trả lời câu hỏi kết nối vào bài học

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hát hoặc mời 1 HS biết hát 2 câu dạo đầu của bài “Trên đỉnh Phù Vân” + 1 HS biết thổi sáo phụ họa (nếu có): <i>Mênh mênh mang mang Phù Vân Yên Tử</i> <i>Vì vì vu vu Trúc Lâm thiền tự</i> - GV nêu vấn đề: Theo em những yếu tố nào góp phần tạo giai điệu đặc biệt cho lời ca? Bước 2 + 3: Thực hiện nhiệm vụ và báo cáo - HS nghe hát, thẩm âm và trả lời câu hỏi. - GV gọi một số HS xung phong trình bày quan điểm. - HS khác lắng nghe, bổ sung nếu cần. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, đánh giá câu trả lời, tuyên dương HS có cảm nhận sâu sắc. - GV dẫn vào bài: Lời nói là thứ vô hình nhưng mang trong mình một sức mạnh lớn lao, nó tác động đến chúng ta theo nhiều cách khác nhau, thậm chí là vượt xa những gì mà chúng ta có thể tưởng tượng được. Bằng lời nói, ta có thể thấy người khác mỉm cười, vui vẻ và hạnh phúc. Nhưng cũng bằng lời nói, chúng ta có thể khiến người khác đau khổ, căm ghét hay thù hận. Các nhà thơ lại càng điêu luyện hơn trong sử dụng ngôn ngữ. Họ đã biến thơ thành rượu	HS trả lời theo cảm nhận của cá nhân, chẳng hạn: Theo em những yếu tố góp phần tạo giai điệu đặc biệt cho lời ca, đó là: - Sự hòa tấu của dụng cụ âm nhạc (Tiếng sáo đất giá, nâng tầm lời ca). - Chất giọng độc đáo của cô giáo.../ bạn... - Biện pháp tu từ điệp cấu trúc réo rắt, ấn tượng, ...

của thể gian, thành ngọn lửa thần, thành tiếng gọi đàn nhờ các biện pháp tu từ phong phú, hấp dẫn. Bài học ngày hôm nay cô trò mình sẽ cùng nhau khám phá tác dụng của một số biện pháp tu từ trong thơ.

2. HOẠT ĐỘNG 2: LUYỆN TẬP, THỰC HÀNH (... phút)

a. Mục tiêu: HS nhận biết, phân tích, đánh giá được tác dụng của một số biện pháp tu từ trong thơ.

b. Nội dung: HS tham gia trò chơi: **Đi tìm lời hay ý đẹp trong thơ.**

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chia lớp thành 4 nhóm, đại diện nhóm lên bốc thăm phần việc (tương ứng với 4 bài tập trong sgk): + Bài tập 1 (SGK Ngữ văn 12, tập một, tr. 51) + Bài tập 2 (SGK Ngữ văn 12, tập một, tr. 51) + Bài tập 3 (SGK Ngữ văn 12, tập một, tr. 51) + Bài tập 4 (SGK Ngữ văn 12, tập một, tr. 51) - GV lưu ý: + Các nhóm thảo luận phần việc đã bốc thăm được. + Sau 5 phút thảo luận, mỗi nhóm cử đại diện lên tranh tài cuộc thi: Đi tìm lời hay ý đẹp trong thơ. - Mỗi ý đúng trong bài được 10 điểm. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận nhóm hoàn thành thành nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV lựa chọn MC dẫn dắt trò chơi. - Các nhóm cử đại diện tham gia trò chơi, thời gian thi đấu tối đa 6 phút, trình bày kết quả trên bảng hoặc trên giấy A3, trước sự cổ vũ của các HS còn lại. - Đội chiến thắng là đội nhanh nhất và đúng nhất.	Bài tập 1. Xác định và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ nhân hoá trong thơ a. Các hình ảnh nhân hoá “thác gầm thét”, “cọp treu người” không chỉ tái hiện khung cảnh rừng già hoang vu, bí ẩn, dữ dội mà còn gợi cảm giác “rờn rợn” của những người lính Tây Tiến trước cảnh thiên nhiên hoang dã ngự trị, thú dữ rình rập, treu đùa con người. b. Biện pháp tu từ nhân hoá “Trời thu thay áo mới” khiến cho hình ảnh bầu trời thu như một con người trong màu áo mới tinh khôi với vẻ tươi tắn, rạng rỡ, sống động, ấm áp, biết “nói cười thiết tha”. Bài tập 2. Xác định và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ ẩn dụ trong thơ - “Oai hùng”: thể hiện cốt cách ngang tàng, kiêu dũng của người lính Tây Tiến. - “Dáng kiều thơm”: gợi vẻ đẹp duyên dáng, yêu kiều, sang trọng của những thiếu nữ Hà thành => thể hiện nỗi nhớ quê nhà, khát vọng tình yêu và tâm hồn mơ mộng, lãng mạn của người lính Tây Tiến. Bài tập 3. Xác định và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ điệp ngữ trong thơ a. Điệp ngữ “dốc”, “ngàn thước”: nhấn mạnh sự hùng vĩ, hiểm trở của núi non vùng Tây Bắc với những con dốc tiếp nối nhau như không bao giờ hết; những đỉnh núi cao ngất trời và vực sâu thăm thẳm, đồng thời tạo âm hưởng nhịp nhàng cho đoạn thơ. b. Điệp ngữ “tiếng ghi ta”: liệt kê, nhấn mạnh những ấn tượng về tiếng đàn, về nghệ thuật và tâm hồn người nghệ sĩ Lor-ca; đồng thời tạo nhịp điệu, giai điệu cho các câu thơ, đoạn thơ. Bài tập 4. Xác định và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ đối trong thơ a. Biện pháp tu từ đối ở bốn câu thơ (<i>gặp thời - lỡ vận, đồ điếu - anh hùng, công thành dễ - hận xót xa; phò chúa - tấy binh, dốc lòng - khôn lối, nâng trục đất - kéo Ngân Hà</i>) có tác dụng nhấn mạnh những “trải nghiệm” đau đớn và bày tỏ nỗi niềm bi phẫn của nhân vật trữ tình. b.

- Các nhóm còn lại đều có quyền nhận xét, bổ sung để được ghi điểm. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chốt kiến thức. - Thư kí tổng hợp, báo cáo kết quả điểm của các nhóm. - GV nhận xét, chúc mừng đội thắng cuộc.	Biện pháp tu từ đối được sử dụng một cách linh hoạt (đối từ ngữ chỉ địa danh như Sài Khao – Mường Lát), miêu tả trạng thái của cảnh vật (sương lấp – hoa vè) có tác dụng nhấn mạnh vẻ đẹp của thiên nhiên miền sơn cước: vừa hiểm trở, hoang vu, giá lạnh vừa thơ mộng, tình tứ.
--	--

3. HOẠT ĐỘNG 3: VẬN DỤNG (5 phút)

a. Mục tiêu: HS hiểu được tác dụng của một số biện pháp tu từ trong thơ, vận dụng vào thực hiện các nhiệm vụ thực tiễn.

b. Nội dung: Thực hiện bài tập vận dụng.

c. Sản phẩm: Đoạn văn hoàn chỉnh của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV nêu yêu cầu: Viết đoạn văn theo chủ đề tự chọn (khoảng 150 chữ), trong đó có sử dụng ít nhất 01 biện pháp tu từ (lưu ý gạch chân biện pháp tu từ được sử dụng và ghi chú).

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân khoảng 10 phút.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV gọi 2-3 HS đọc sản phẩm trước lớp.

- GV phân công nhóm đánh giá chéo dựa vào Rubric.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét, đánh giá, tuyên dương sản phẩm tốt hoặc cho điểm HS căn cứ Rubric và hướng dẫn HS tiếp tục chỉnh sửa, hoàn thiện sản phẩm ở nhà.

Rubric đánh giá đoạn văn

Tiêu chí	Mô tả tiêu chí	Điểm
Hình thức	Đảm bảo quy cách một đoạn văn với độ dài khoảng 150 chữ.	3.0
Nội dung	Viết đoạn văn theo chủ đề tự chọn, trong đó có sử dụng ít nhất 01 biện pháp tu từ (lưu ý gạch chân biện pháp tu từ được sử dụng và ghi chú).	
	Giới thiệu được chủ đề của đoạn văn.	1.0
	Các câu trong đoạn đều tập trung làm rõ chủ đề.	2.0
	Sử dụng biện pháp tu từ rõ ràng, hiệu quả.	2.0
Chính tả, ngữ pháp	Đảm bảo chuẩn chính tả, từ ngữ, ngữ pháp Tiếng Việt.	1.0
Sáng tạo	Thể hiện những suy nghĩ sâu sắc về chủ đề; có cách diễn đạt mới mẻ.	1.0

Đoạn văn tham khảo

Trong suốt cuộc đời, ta sẽ bao lần khoác lên mình những màu áo khác nhau, nhưng sẽ chẳng khi nào khiến ta phải nhớ nhiều như lúc được khoác màu áo trắng tuổi học trò. Gắn liền với màu áo ấy là tiếng chuông vào giờ, tan lớp, tiếng cô giảng bài, tiếng thầy dạy dỗ, tiếng chúng bạn tíu tít, tiếng ăn vụng trong giờ, tiếng lật sách, tiếng bút thước (Điệp ngữ)...Đi qua thời áo trắng mới thấy hết cái trong khiết vô ngần (Ẩn dụ). Những thanh âm của một thời thanh xuân, có thể thoảng nghe đâu đây nhưng chúng ta của năm đó đâu rồi? (Câu hỏi tu từ) Ta mong làm sao tìm lại những hình ảnh, những con người đã đứng thật lâu trong trái tim mình, để tìm lại tình bạn chẳng bao giờ mất đi niên hạn, để thỏn thức lại những yêu thương nồng nàn của thuở

ban đầu lưu luyến ấy (Điệp ngữ),.... Bầu trời ngày ấy bé tí ti, chỉ có ta, có bạn, có thầy cô, bài vở, vậy mà sao những rung động của nó lại vẫn mạnh mẽ đến tận bây giờ?

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Tìm đọc thêm một số câu thơ, bài thơ có sử dụng biện pháp tu từ và phân tích tác dụng.
- Hoàn thành viết đoạn văn theo chủ đề tự chọn, có sử dụng biện pháp tu từ.
- **Chuẩn bị bài:** Viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Nguyễn Thị Bích, KHBD môn Ngữ văn lớp 12, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam.
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1, 2, 3 được tập huấn.
- Một số tài liệu trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....

.....

.....

Ngày soạn:

Ngày dạy:

VIẾT

Tiết:19,20

VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN SO SÁNH, ĐÁNH GIÁ HAI TÁC PHẨM THƠ

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển các năng lực chung:

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của bản thân và các bạn.
- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.
- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ. Thông qua quá trình dạy **viết, giúp HS:**

- Nhận biết được những yêu cầu cơ bản của kiểu bài viết nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ, lựa chọn được đề tài phù hợp để viết bài.
 - Chỉ ra, phân tích những điểm tương đồng và khác biệt giữa các đối tượng so sánh, từ đó nêu được giá trị đặc sắc, các yếu tố cách tân và đóng góp mới mẻ của từng tác giả, tác phẩm.
- 2. Phẩm chất:** Tích cực tìm kiếm tư liệu để hoàn thiện bài viết, cẩn trọng để tạo lập một văn bản nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Ti vi (hoặc máy chiếu), máy tính, Giấy A0, hộp giấy hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, STK, kế hoạch bài dạy, video liên quan, phiếu học tập, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG (5 phút)

a. Mục tiêu:

- Kết nối tri thức
- Tạo hứng thú
- Tạo ra mâu thuẫn nhận thức

b. Nội dung hoạt động: HS tham gia trò chơi.**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS thực hiện trò chơi: Bắt thơ trong hộp - GV chuẩn bị 5 hộp nhỏ đánh số 1, 2, 3, 4, 5. Trong mỗi hộp chứa các lá thăm ghi một trong các đề tài cụ thể sau: mẹ, trăng, quê hương, đất nước,...(có hộp chứa lá thăm là một tràng pháo tay cổ vũ của khán giả để tạo không khí cho cuộc chơi) - GV lựa chọn 2 đội chơi, mỗi đội chơi gồm 3 thành viên, thời gian tham gia tối đa lần lượt cho mỗi đội là 2 phút. - Cách thức: + Lần lượt từng đội tham gia chơi chọn hộp để bắt đề tài và tìm đọc những câu thơ tương ứng với đề tài đó + Chọn phải đề tài không bắt được thơ, đội đó sẽ trả lại và chọn đề tài khác nhưng sẽ bị trừ 1 điểm + Sau khi thực hiện việc bắt thơ ở mỗi lượt, Thư kí sẽ tính điểm cho các đội như sau: - Chọn đúng đề tài, đọc được 1 đoạn/bài thơ: 5 điểm - Chọn đúng đề tài, đọc được 2 đoạn/bài thơ: 10 điểm - Chọn đúng đề tài, đọc được 3 đoạn/bài thơ: 15 điểm ... Bước 2 + 3: Thực hiện nhiệm vụ và báo cáo - HS thảo luận đội nhóm và trả lời nhanh, đúng đề tài. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, đánh giá tinh thần tham gia của hai đội chơi, thông báo kết quả trò chơi qua tổng điểm từ thư kí, trao thưởng cho 2 đội. - GV dẫn vào bài: Thơ có nhịp điệu, có vần, dễ nhớ, dễ thuộc. Thơ cô đọng, có những câu như là châm ngôn. Nhưng mỗi bài thơ lại chứa một tư thơ không dễ nắm bắt, lại mang một hồn thơ không dễ cảm nhận, và đặc biệt lại chứa một xúc cảm đẹp không dễ giảng giải, phân tích...Bài	- Đề tài về mẹ: 1. <i>Ta đi trọn kiếp con người Cũng không đi hết mấy lời mẹ ru.</i> (Nguyễn Duy) 2. <i>Đưa kim qua nỗi ưu phiền. Mẹ ngồi vá lại cho nguyên sự đời.</i> (Thị Hoàng) 3. <i>Bàn tay mẹ Bế chúng con Bàn tay mẹ Chăm chúng con</i> (Tạ Hữu Yên) ... - Đề tài về trăng: 1. <i>Trăng cứ tròn vành vạnh kể chi người vô tình</i> (Nguyễn Duy) 2. <i>Chén rượu hương đưa say lại tỉnh Vầng trăng bóng xế khuyết chưa tròn.</i> (Hồ Xuân Hương) 3. <i>Thuyền ai đậu bến sông trăng đó Có chở trăng về kịp tối nay</i> (Hàn Mặc Tử) ... - Đề tài quê hương đất nước: 1. <i>Quê hương tôi có con sông xanh biếc Nước gương trong soi tóc những hàng tre</i> (Tế Hanh) 2. <i>Làng tôi ở vốn làm nghề chài lưới Nước bao vây, cách biển nửa ngày sông</i> <i>Khi trời trong, gió nhẹ, sớm mai hồng, Dân trai tráng bơi thuyền đi đánh cá</i> (Tế Hanh) 3. <i>Quê hương là gì hở mẹ Mà cô giáo dạy phải yêu Quê hương là gì hở mẹ Ai đi xa cũng nhớ nhiều</i> (Đỗ Trung Quân)

học ngày hôm nay sẽ giúp chúng ta thấy được sự kì diệu của thơ trong tương quan so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (... phút)

a. Mục tiêu: HS hiểu mục đích, yêu cầu đối với bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ.

b. Nội dung hoạt động: GV hướng dẫn HS đọc bài viết tham khảo, thảo luận nhóm, trả lời các câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời nhanh và đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 1. Đọc và tìm hiểu bài viết tham khảo Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV gọi 7 HS đọc bài viết tham khảo theo các thẻ chỉ dẫn ở bên phải văn bản. - HS thảo luận cặp đôi thực hiện các yêu cầu sau: 1. Trong bài viết, tác giả đã dựa trên những cơ sở nào khi chọn hai bài thơ để so sánh, đánh giá? 2. Bài viết triển khai các nội dung so sánh, đánh giá như thế nào? Em có nhận xét gì về hiệu quả của cách triển khai đó? 3. Theo em, có thể có những cách trình bày nào khác về các nội dung so sánh, đánh giá trong bài viết? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - 7 HS nối tiếp nhau đọc văn bản. - Thảo luận cặp đôi 3 câu hỏi SGK khoảng 5 phút. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện một số cặp đôi phát biểu. - Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chốt kiến thức. Nhiệm vụ 2. Tìm hiểu mục đích và yêu cầu của bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ.	1. Tìm hiểu chung dạng bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ. 1. Đọc và tìm hiểu bài viết tham khảo - Trong bài viết, tác giả so sánh hai bài thơ dựa trên cơ sở: cảm hứng mùa thu; những cảm nhận và nỗi niềm, vừa có sự gặp gỡ vừa có điểm đặc sắc, hấp dẫn riêng. - Bài viết triển khai các nội dung so sánh, đánh giá hiệu quả: + Cách triển khai: ++ Phân tích điểm tương đồng của hai bài thơ. ++ Giới thiệu nét riêng và chỉ ra yếu tố tạo sự khác biệt của hai bài thơ. ++ Phân tích nét riêng trong cảnh và tình ở <i>Thu vịnh</i>. ++ Phân tích nét riêng của bài <i>Đầy mùa thu tới</i> trong sự đối sánh với bài <i>Thu vịnh</i>. ++ Khẳng định vị trí, giá trị và sức hấp dẫn của hai bài thơ. ++ Bày tỏ quan điểm cá nhân về kết quả và ý nghĩa của việc so sánh. + Nhận xét: Cách triển khai hợp lí, logic, hệ thống, triển khai sâu sắc vấn đề nghị luận, nổi bật vấn đề so sánh. - Cách trình bày khác về các nội dung so sánh, đánh giá trong bài viết: + Phân tích bài thơ thứ nhất. + Phân tích bài thơ thứ hai. + Chỉ ra điểm tương đồng, sự gặp gỡ và những điểm khác biệt, lí giải nguyên nhân về sự khác biệt. + Đánh giá về giá trị và đóng góp của mỗi bài thơ. <i>Hoặc:</i> + Phân tích bài thơ thứ nhất theo các phương diện đã xác định. + Phân tích bài thơ thứ hai trên cơ sở so sánh với bài thơ thứ nhất theo từng phương diện và lí giải nguyên nhân của những điểm khác biệt giữa hai bài thơ. + Đánh giá về giá trị và đóng góp của mỗi bài thơ. 2. Mục đích và yêu cầu của bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV nêu yêu cầu HS: Qua phân tích ví dụ SGK, em hãy cho biết: + Mục đích của bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ. + Để viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ, em cần lưu ý những gì? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân, ghi kết quả ra giấy nhớ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 2-3 HS trả lời câu hỏi. - HS nhận xét, bổ sung cho nhau. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chốt kiến thức.	- Mục đích so sánh, đánh giá: Chỉ ra những điểm tương đồng và khác biệt giữa các đối tượng so sánh, từ đó nêu được những giá trị đặc sắc, các yếu tố cách tân và đóng góp mới mẻ của từng tác giả, tác phẩm. - Yêu cầu của kiểu bài: + Giới thiệu ngắn gọn về hai tác phẩm thơ, nêu được những cơ sở lựa chọn hai tác phẩm để so sánh, đánh giá. + Làm sáng tỏ những điểm tương đồng và khác biệt giữa hai bài thơ được chọn để so sánh; có bằng chứng cụ thể, đa dạng từ hai tác phẩm. + Đưa ra những nhận xét, đánh giá thuyết phục về ý nghĩa và những đóng góp riêng, đặc sắc của mỗi tác phẩm thơ dựa trên các nội dung được so sánh. + Nêu khái quát kết quả và ý nghĩa của việc so sánh, đánh giá.
--	---

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (5 phút)

a. Mục tiêu:

- HS xác định được các bước trong quy trình viết bài nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ.

- HS thực hành các bước để viết bài nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ.

b. Nội dung: HS thực hành viết theo các bước.

c. Sản phẩm: Bài viết của HS, phiếu hướng dẫn viết.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS				Dự kiến sản phẩm			
II. Thực hành viết 1. Các bước thực hành viết Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV nêu vấn đề: Các em thực hiện nhiệm vụ theo bàn: đọc SGK, thực hiện các yêu cầu trong bảng kiến thức sau:				II. Thực hành viết 1. Các bước thực hành viết			
				Các bước		Nội dung	
Chuẩn bị viết				Lựa chọn một trong các gợi ý sau để làm đề tài viết: (1) So sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ thuộc các giai đoạn văn học, xu hướng văn học khác nhau: Tiếng nói tri âm trong <i>Độc Tiểu Thanh kí</i> (Nguyễn Du) và <i>Đàn ghi ta của Lor-ca</i> (Thanh Thảo);... (2) So sánh, đánh giá bút pháp và cảm hứng nghệ thuật trong các tác phẩm thơ: Cảm hứng về đất nước trong <i>Đất nước</i> (Nguyễn Đình Thi) và <i>Việt Bắc</i> (Tố Hữu);... (3) So sánh, đánh giá các hình tượng: hình tượng người lính trong <i>Đồng chí</i> (Chính Hữu) và <i>Tây Tiến</i> (Quang Dũng); hình tượng			
Các bước		Nội dung					
Chuẩn bị viết							
Tìm ý, lập dàn ý		Tìm ý					
		Lập dàn ý	MB				
			TB				
			KB				
Viết							

Kiểm tra và chỉnh sửa hoàn thiện			người phụ nữ trong <i>Tự tình</i> II (Hồ Xuân Hương) và <i>Thuyền và biển</i> (Xuân Quỳnh);... (4) So sánh, đánh giá về hình thức nghệ thuật: Cách thể hiện nỗi nhớ trong <i>Tây Tiến</i> (Quang Dũng) và <i>Tiếng hát con tàu</i> (Chế Lan Viên);...
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS đọc SGK, thực hiện nhiệm vụ theo nhóm bàn Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS chia sẻ câu trả lời. - HS khác quan sát, nghe và nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chốt kiến thức. 2. Thực hành viết Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV nêu vấn đề: Các em viết bài văn hoàn chỉnh Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS đọc bài viết trước lớp - HS khác bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV tổ chức cho HS nhận xét, đánh giá bài viết theo rubric và dàn ý tham khảo.	Tìm ý, lập dàn ý	Tìm ý	Trả lời câu hỏi: - So sánh, đánh giá hai bài thơ dựa trên cơ sở nào? - Điểm tương đồng giữa hai tác phẩm thơ là gì? - Đây là điểm khác biệt giữa hai bài thơ? - Yếu tố nào tạo nên những điểm tương đồng và khác biệt của hai bài thơ? - Đánh giá thế nào về giá trị của mỗi bài thơ?
		Lập dàn ý	MB Giới thiệu ngắn gọn về hai bài thơ và nêu cơ sở lựa chọn để so sánh, đánh giá.
			TB - Thông tin chung về từng tác phẩm: hoàn cảnh ra đời, đề tài, vị trí của tác phẩm trong đời sống văn học,... - Có thể triển khai các nội dung so sánh, đánh giá theo những cách sau: + Cách 1: Lần lượt phân tích từng bài thơ, sau đó chỉ ra điểm tương đồng, sự gặp gỡ và những điểm khác biệt, lí giải nguyên nhân của sự tương đồng và khác biệt đó; đồng thời đánh giá về giá trị và đóng góp của mỗi bài thơ. + Cách 2: Phân tích bài thơ thứ nhất theo các phương diện đã xác định, khi phân tích bài thơ thứ hai sẽ so sánh với bài thơ thứ nhất theo từng phương diện và lí giải nguyên nhân của những điểm tương đồng và khác biệt giữa hai bài thơ, từ đó, đánh giá về giá trị và đóng góp của mỗi bài thơ. + Cách 3: So sánh lần lượt các phương diện đã lựa chọn đối

				với hai bài thơ, chỉ ra điểm tương đồng và khác biệt; lí giải nguyên nhân sự tương đồng và khác biệt đó; đánh giá về giá trị và đóng góp của mỗi bài thơ từ các nội dung so sánh. - Đánh giá: + Đánh giá chung về sự tương đồng, khác biệt giữa hai tác phẩm và khẳng định giá trị độc đáo của mỗi tác phẩm. + Khẳng định sự đóng góp của hai tác phẩm, hai tác giả.
			KB	Khẳng định ý nghĩa của việc so sánh, đánh giá; nêu cảm nhận và ấn tượng của bản thân về các bài thơ.
	Viết	- Dựa vào dàn ý để triển khai bài viết. - Thể hiện khả năng cảm thụ văn học tinh tế trong quá trình phân tích, so sánh; lựa chọn dẫn chứng phù hợp, tiêu biểu với từng nội dung so sánh, kết hợp với ý kiến lí giải, đánh giá; diễn đạt mạch lạc, sáng sủa, có cảm xúc. - Có những sáng tạo riêng của cá nhân trong quá trình phân tích, đánh giá về những điểm tương đồng và khác biệt giữa hai bài thơ (qua những phát hiện sâu sắc hoặc qua cách diễn đạt độc đáo) để tăng sức thuyết phục và hấp dẫn cho bài viết.		
	Kiểm tra và chỉnh sửa hoàn thiện	Đọc kĩ bài viết, đối chiếu với yêu cầu của kiểu bài và dàn ý để có hướng chỉnh sửa. Ngoài việc soát lỗi chính tả, lỗi diễn đạt (từ ngữ, câu văn, đoạn văn, ...), cần tập trung vào việc làm rõ cơ sở và các phương diện so sánh khi triển khai nội dung bài viết.		
2. Thực hành viết Sản phẩm: Bài viết của HS				

Phụ lục 1: RUBRIC ĐÁNH GIÁ BÀI VIẾT

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐẠT YÊU CẦU (5 – 7 điểm)	BÀI LÀM TỐT (8 – 10 điểm)
Hình thức (3 điểm)	Bài làm chưa đảm bảo cấu trúc, luận điểm mơ hồ, chưa thuyết phục. Trình bày chưa mạch lạc. Mắc nhiều lỗi chính tả.	Bài làm đảm bảo cấu trúc, luận điểm chính chưa làm rõ yêu cầu. Trình bày tương đối sạch đẹp. Mắc ít lỗi chính tả.	Bài làm đảm bảo cấu trúc, trình bày mạch lạc, sắp xếp các luận điểm, bằng chứng, lí lẽ theo trật tự logic. Có sự kết hợp các phương thức biểu đạt phù hợp. Trình bày thuyết phục được người nghe.

Nội dung (7 điểm)	Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện.	Nội dung đúng, đủ và làm rõ được một phần yêu cầu. Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao.	Nội dung đúng, đủ và làm rõ được yêu cầu. Có bài học rút ra. Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao. Có sự sáng tạo.
Điểm	0 – 4 điểm	5 – 7 điểm	8 – 10 điểm
TỔNG	10		

Phụ lục 2: DÀN Ý THAM KHẢO

Viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá tiếng nói tri âm trong *Độc Tiểu Thanh kí* (Nguyễn Du) và *Đàn ghi ta của Lor-ca* (Thanh Thảo).

I. Mở bài

Giới thiệu ngắn gọn về hai bài thơ và nêu cơ sở lựa chọn để so sánh, đánh giá.

Mỗi thi phẩm là một thông điệp tâm hồn mà người nghệ sĩ gửi đến bạn đọc. Ở đó người đọc cùng tác giả trải nghiệm những vui, những buồn, những xót xa, thương giận, ... Thế nhưng mỗi nhà thơ đã đào sâu, tìm tòi theo cách khác nhau, để khơi lên những nguồn chưa ai khơi và sáng tạo những gì chưa có. Có lẽ vậy mà tuy cùng đầy tâm tư về những người tài hoa – bạc mệnh nhưng Nguyễn Du và Thanh Thảo, hai nhà thơ thuộc hai thời đại khác nhau đã cất lên những tiếng thơ rất riêng. Để rồi từ đó độc giả được đắm mình trong thế giới thơ ca lấp lánh những sắc màu.

II. Thân bài

1. Thông tin chung về từng tác phẩm: hoàn cảnh ra đời, đề tài, vị trí của tác phẩm trong đời sống văn học, ...

a. Nguyễn Du và *Độc Tiểu Thanh kí*

- Nguyễn Du sinh năm 1765, mất năm 1820.
- Là đại thi hào của dân tộc Việt Nam.
- Thơ ông thể hiện chủ nghĩa nhân đạo mới mẻ, trong đó tiếng nói thương yêu, trân trọng, ngợi ca đối với người phụ nữ trong xã hội xưa bao giờ cũng tha thiết và đầy trăn trở.
- Bài thơ *Độc Tiểu Thanh kí* nằm trong mạch cảm hứng chung của Nguyễn Du về những người phụ nữ tài sắc mà bất hạnh.
- Nhan đề “*Độc Tiểu Thanh kí*”: có hai cách hiểu:
 - + “*Tiểu Thanh kí*” có thể là tên một tập thơ của nàng Tiểu Thanh. “*Độc Tiểu Thanh kí*” => Đọc tập thơ của nàng Tiểu Thanh.
 - + “*Tiểu Thanh kí*”: có thể là câu chuyện về nàng Tiểu Thanh. Rất có thể, Nguyễn Du đã đọc truyện về nàng Tiểu Thanh và viết nên bài thơ này.

b. Thanh Thảo và *Đàn ghi ta của Lor-ca*

- Thanh Thảo được công chúng đặc biệt chú ý bởi những bài thơ và trường ca mang diện mạo độc đáo viết về chiến tranh và thời hậu chiến.
- Thơ Thanh Thảo là sự lên tiếng của người trí thức nhiều suy tư, trăn trở về các vấn đề xã hội và thời đại. Tuy nhiên, ông muốn cuộc sống phải được cảm nhận và thể hiện ở bề sâu nên luôn khước từ lối biểu đạt dễ dãi, nỗ lực cách tân thơ Việt qua hình thức thơ tự do.
- *Đàn ghi ta của Lor-ca* rút trong tập “*Khởi vuông Ru - bích*”, thể hiện tư duy thơ Thanh Thảo: giàu suy tư, nhuộm màu sắc tượng trưng, siêu thực.

2. Đánh giá những nét chung (điểm tương đồng):

- Niềm đồng cảm sâu sắc, niềm tiếc thương day dứt, đớn đau, phẫn uất, bất bình cho cái Đẹp bị huỷ diệt, đầy đoạ, dập vùi.
- Sự nâng niu, trân trọng cái Đẹp, khẳng định sức sống của cái Đẹp, gắn với khát vọng bất tử hoá cái Đẹp.

- Hướng con người tới những tình cảm nhân văn cao đẹp, đặt ra những câu hỏi lớn lao cho thời đại, là tiếng nói cất lên từ thời đại nhưng còn đọng lại và có tầm nhân loại,...

3. So sánh những nét riêng (điểm khác biệt):

a. Mạch cảm xúc của nhân vật trữ tình:

- Đối tượng của cảm xúc:

+ *Độc Tiểu Thanh kí*: Phùng Tiểu Thanh (1594- 1612), người Quảng Lăng, tỉnh Giang Tô, Trung Quốc. Nàng là cô gái thông minh, tài sắc, giỏi văn chương nhưng bạc mệnh. Năm 16 tuổi, Tiểu Thanh làm lẽ một người họ Phùng, bị vợ cả ghen, bắt ra ở một mình trên núi Cô Sơn (Hàng Châu - Trung Quốc), lâm bệnh, mất năm 18 tuổi. Khi nàng mất, người vợ cả đốt hết thơ, từ, chỉ còn sót lại một số bài thơ (phần dư).

+ *Đàn ghi ta của Lor-ca*: Lor-ca (1898 - 1936) là nhà thơ thiên tài của Tây Ban Nha, người có khát vọng tự do và cách tân nghệ thuật mãnh liệt, bị chính quyền phản động thân phát xít bắt giam và giết hại.

- Sự vận động của cảm xúc:

+ *Độc Tiểu Thanh kí*: Bài thơ bắt đầu bằng xúc cảm xót thương cho Tiểu Thanh → từ đó, tác giả thương cho những kiếp người tài hoa bạc mệnh nói chung → rồi quay về tự thương mình → cuối cùng hướng tới tương lai để khao khát tri âm.

+ *Đàn ghi ta của Lor-ca*: Niềm cảm mến đối với Lor-ca - con người tự do, nghệ sĩ cách tân trong khung cảnh chính trị, nghệ thuật Tây Ban Nha → Nỗi đau đớn trước cái chết oan khuất của Lor-ca và nỗi xót xa về sự dang dở khát vọng cách tân nghệ thuật của chàng → Niềm xót thương Lor-ca → Suy tư về cuộc giải thoát và cách giải tử của Lor-ca.

b. Sự lựa chọn hình thức thể hiện:

- Thể thơ:

+ *Độc Tiểu Thanh kí*: Thể thơ tự do, tượng trưng siêu thực bộc lộ cái tôi đa ngã.

+ *Đàn ghi ta của Lor-ca*: Thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật dù đòi hỏi rất cao về niêm luật nhưng nhà thơ Nguyễn Du vẫn khéo léo bộc lộ cái tôi rất cá tính và phóng khoáng – đây vốn là điều hiếm có trong văn học trung đại.

- Hệ thống hình ảnh biểu tượng:

+ *Độc Tiểu Thanh kí*: *Son phần, văn chương*,... => Những hình ảnh biểu tượng cho tài năng văn chương và sắc đẹp của Tiểu Thanh.

+ *Đàn ghi ta của Lor-ca*: *Áo choàng đỏ gắt, bầu trời, cô gái ấy, cỏ mọc hoang, tiếng đàn*,... => Hình ảnh tượng trưng siêu thực gợi liên tưởng về Lor-ca và cái chết của chàng.

- Một số yếu tố hình thức khác:

+ *Độc Tiểu Thanh kí*: Nghệ thuật đối, câu hỏi tu từ như xoáy vào hồn người, cách xưng tên đa diết khắc khoải, giọng thơ trang trọng mà tràn đầy cảm xúc yêu thương,...

- *Đàn ghi ta của Lor-ca*: Kết cấu bài thơ giống như một bản giao hưởng về cuộc đời Lor-ca; yếu tố nhạc, yếu tố họa đan xen, ...

4. Nguyên nhân của sự khác biệt: Do hoàn cảnh sáng tác, nội dung cảm hứng và cá tính sáng tạo của mỗi nhà thơ có sự khác nhau, ...

5. Đánh giá chung:

- Điểm gặp gỡ và những sáng tạo độc đáo của Nguyễn Du và Thanh Thảo trong hai thi phẩm thể hiện rõ nét ý nghĩa của sáng tạo văn chương, mặt khác giúp ta nhận thức được vai trò, nhiệm vụ của nhà văn, của độc giả trong quá trình sáng tạo và thưởng thức văn chương.

- Sự gặp gỡ và nét khác biệt với những sáng tạo độc đáo, thú vị làm nên sự phong phú, giàu có kì diệu của văn học.

III. Kết bài:

Độc Tiểu Thanh kí và *Đàn ghi ta của Lor-ca* đã thực sự khơi dậy trong con người những cảm xúc thẩm mỹ mới lạ, “thanh lọc” tâm hồn con người theo những cách khác nhau, chấp cánh

cho con người đến với những ước mơ, khát vọng,...Hai tác phẩm này chính là sự hiện diện của nhà văn Nguyễn Du và Thanh Thảo đối với cuộc đời. Do vậy chúng sẽ vượt qua được mọi sự băng hoại của thời gian để bắt đầu với cuộc đời.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (5 phút)

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Suy tầm và lập bảng thống kê các tác phẩm cùng đề tài, cùng chủ đề, hình tượng, nhân vật,..., tự chọn viết 01 đề bài hoàn chỉnh so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ.

c. Sản phẩm: Bảng thống kê các tác phẩm cùng đề tài, cùng chủ đề, hình tượng, nhân vật,..., và bài viết của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV nêu yêu cầu:

NV1: Suy tầm và lập bảng thống kê các tác phẩm cùng đề tài, cùng chủ đề, hình tượng, nhân vật,...

NV2: Tự chọn viết 01 đề bài hoàn chỉnh so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ.

- Gửi bài cho CLB Truyền thông nhà trường hoặc trang facebook cá nhân.

- Căn cứ đánh giá: Bài được chọn đăng và có số lượt chia sẻ, like nhiều nhất trong tuần đầu tiên.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS tự thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

Thực hiện trên trang fanpage CLB Truyền thông và trang facebook cá nhân.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét, tổng kết trao giải trong bài học sau.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- HS hoàn thiện các bài tập còn lại.

- **Chuẩn bị nội dung nói và nghe:** Trình bày kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Nguyễn Thị Bích, KHBD môn Ngữ văn lớp 12, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam.

- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.

- Nội dung modul 1, 2, 3 được tập huấn.

- Một số tài liệu trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....

.....

.....

.....

Ngày soạn:

Ngày dạy:

NÓI VÀ NGHE

Tiết:21,22

TRÌNH BÀY KẾT QUẢ SO SÁNH, ĐÁNH GIÁ HAI TÁC PHẨM THƠ

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung.

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.

- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy:

Nói

- Biết sử dụng kết quả bài viết so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ đã thực hiện ở phần *Viết để xây dựng nội dung bài thuyết trình*.

- Trình bày được kết quả của việc so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ (đã thực hiện ở phần *Viết*).

Nghe

- Thông qua việc lắng nghe và tương tác với người nói, người nghe cần rút ra những kinh nghiệm cần thiết cho cá nhân trong việc cảm thụ tác phẩm thơ và so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ.

2. Phẩm chất: Quan tâm tới người nghe và có thái độ phù hợp khi nói.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính,...

2. Học liệu: SGK, SGV, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, bảng tự đánh giá và đánh giá về ý kiến trao đổi, đánh giá...

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG (5 phút)

a. Mục tiêu:

- Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

- HS huy động được tri thức, kinh nghiệm cho bài thuyết trình.

b. Nội dung: HS nghe đọc/ngâm thơ, GV đặt câu hỏi, HS thảo luận nhóm trả lời.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV đọc diễn cảm hoặc ngâm 2 áng thơ sau: <i>Hồn anh như hoa cỏ may,</i> <i>Một chiều cả gió bám đầy áo em.</i> (Nguyễn Bính) <i>Khắp nẻo dâng đầy hoa cỏ may</i> <i>Áo em sơ ý cỏ găm đầy</i> <i>Lời yêu mỏng mảnh như màu khói,</i> <i>Ai biết lòng anh có đổi thay?</i> (Xuân Quỳnh) GV nêu yêu cầu: - Em thích áng thơ nào hơn? Vì sao? - Em hãy tìm điểm giống và khác nhau giữa 2 áng thơ trên. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ	- Cả 2 áng thơ đều thể hiện những xúc cảm tình yêu bằng cách mượn hình ảnh hoa cỏ may. Áng thơ nào cũng hay, cũng đẹp, thi vị. - Tuy nhiên, mỗi áng thơ lại hấp dẫn theo cách riêng: + Áng thơ thứ nhất là lời của một chàng trai đầy những mê say cuồng nhiệt. Áng thơ thứ hai là suy tư về tình yêu của một cô gái đầy lo âu, trăn trở về sự mong manh của tình yêu, hạnh phúc.

HS quan sát, suy nghĩ thực hiện nhiệm vụ nhóm trong thời gian 2 phút (những HS có cùng quan điểm hình thành cùng nhóm) Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV mời đại diện nhóm HS trả lời câu hỏi theo hình thức tranh biện nhanh giữa các nhóm (tối đa 3 phút). - HS khác lắng nghe, phản biện bảo vệ quan điểm của nhóm đã chuẩn bị. Bước 4: Đánh giá, kết luận Giáo viên đánh giá, kết luận, dẫn vào bài mới. Người nghệ sĩ phải là người vừa thiết kế vừa thi công công trình của chính mình bởi “sáng tác thơ là một việc do cá nhân thi sĩ làm”. Một nghệ sĩ chân chính không thể giấu chân lên con đường mà người khác đã mở. Họ cần biết khơi thông, biết tìm ra cái mới trong những điều tưởng chừng đã cũ, biết xoáy sâu vào những điều tưởng chừng nhỏ nhặt nhưng lại có sức ám ảnh sâu sắc tới tâm hồn độc giả. Thế nên, dù cùng đề tài, mỗi tác phẩm lại có tiếng nói riêng. Cô trò chúng ta sẽ đến với bài học ngày hôm nay để các em được thuyết trình về kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ một cách thuyết phục.	+ Áng thơ thứ nhất lựa chọn thể thơ lục bát xinh xắn đầy xao động. Áng thơ thứ hai lại chọn thể thơ thất ngôn chứa đầy những ẩn ý và ngòi mực,...
---	--

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (... phút)

- a. Mục tiêu:** HS xác định được yêu cầu và các bước trình bày kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ.
- b. Nội dung:** Trao đổi, thảo luận các yêu cầu và các bước trình bày kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ.
- c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
I. CHUẨN BỊ NÓI *Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu yêu cầu của kiểu bài trình bày kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ. Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu yêu cầu: Để thuyết trình hấp dẫn về kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ, cần lưu ý điều gì? (Đọc mục Yêu cầu SGK tr.58) Bước 2 +3: Thực hiện, báo cáo nhiệm vụ HS đọc SGK, thảo luận cặp đôi 2 phút và báo cáo HS khác nhận xét, bổ sung nếu cần Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét câu trả lời của HS, chốt kiến thức. *Nhiệm vụ 2: Chuẩn bị các bước trình bày kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ. Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Tùy tình hình lớp học, GV chia lớp thành nhiều nhóm (mỗi nhóm 4 – 6 HS).	I. CHUẨN BỊ NÓI 1. Yêu cầu của kiểu bài trình bày kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ Để so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ, cần lưu ý: - Giới thiệu được hai bài thơ và lí do lựa chọn hai bài thơ đó để so sánh, đánh giá. - Phân tích những điểm tương đồng và khác biệt giữa hai bài thơ xét theo một số phương diện đã xác định. - Có những nhận xét, đánh giá thuyết phục về giá trị và đóng góp của mỗi bài thơ dựa trên kết quả so sánh. - Nêu được những ý kiến trao đổi xác đáng giúp người nói và người nghe có cái nhìn đầy đủ, toàn diện hơn về hai bài thơ được so sánh.

GV yêu cầu:

- Các nhóm chọn sử dụng kết quả của bài thực hành viết.

- Tìm ý và sắp xếp ý theo bảng:

Vấn đề cần tìm hiểu	Câu trả lời
Những ngữ liệu thơ được chọn để so sánh	
Những thông tin chung về 2 tác phẩm	
Cơ sở so sánh 2 tác phẩm	
Những điểm giống nhau của 2 tác phẩm	
Những điểm khác nhau của 2 tác phẩm	
Đánh giá chung	

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS đọc SGK, tài liệu tham khảo và thảo luận nhóm, hoàn thiện bảng kiến thức trên giấy A0 hoặc word hoặc PP

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Các nhóm HS treo bảng kiến thức lên trên bảng hoặc gửi vào zalo nhóm lớp/ padlet

- GV yêu cầu 1 – 2 nhóm trình bày dàn ý đã xây dựng, chỉnh sửa, các nhóm khác góp ý, bổ sung.

- GV yêu cầu thực hành luyện nói trong nhóm, góp ý cho nhau trước khoảng 5 phút.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét phân làm việc các nhóm, chốt kiến thức.

2. Chuẩn bị các bước trình bày kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ.

a. Lựa chọn đề tài

Sử dụng bài thực hành viết từ tiết trước:

Đề bài: Trình bày kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ *Độc Tiểu Thanh kí* và *Đàn ghi ta của Lor-ca*

b. Tìm ý và sắp xếp ý

Vấn đề cần tìm hiểu	Câu trả lời
Những ngữ liệu thơ được chọn để so sánh	
Những thông tin chung về 2 tác phẩm	
Cơ sở so sánh 2 tác phẩm	
Những điểm giống nhau của 2 tác phẩm	
Những điểm khác nhau của 2 tác phẩm	
Đánh giá chung	

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (5 phút)

a. Mục tiêu: HS trình bày được bài thuyết trình so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ; biết lắng nghe và trao đổi.

b. Nội dung: HS trình bày bài nói đã chuẩn bị ở bài viết và nhận xét, trao đổi về bài nói.

c. Sản phẩm: Bài trình bày của học sinh và nhận xét, trao đổi về bài nói.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV lưu ý HS các bước chuẩn bị để có bài thuyết trình tốt, lưu ý HS tận dụng các lợi thế của giao tiếp trực tiếp bằng lời như sử dụng ngôn ngữ, cử chỉ, điệu bộ và sự tương tác tích cực với người nghe để tạo sức hấp dẫn và thuyết phục. - HS trình bày bài nói, mỗi HS từ 5 – 7 phút.	II. THỰC HÀNH NÓI VÀ TRAO ĐỔI, ĐÁNH GIÁ 1. Thực hành nói Tham khảo bài trình bày kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ <i>Độc Tiểu Thanh kí</i> và <i>Đàn ghi ta của Lor-ca</i> . (bên dưới) 2. Trao đổi, đánh giá a. Trao đổi	
	Người nghe	Người nói

- HS còn lại lắng nghe, ghi chép vào vở, nhận xét về bài nói trên các tiêu chí trong phiếu nhận xét:	- Nhận xét về độ chính xác và đầy đủ của các nội dung so sánh giữa hai tác	- Cần làm rõ thêm những ý
--	--	---------------------------

PHIẾU NHẬN XÉT BÀI NÓI		
STT	Tiêu chí	Nhận xét
1	Giọng nói rõ ràng truyền cảm và dễ nghe không?	
2	Nội dung bài nói đúng yêu cầu và có sức thuyết phục không?	
3	Bố cục bài nói rõ ràng, mạch lạc không?	
4	Các phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng phù hợp không?	
5	Phương tiện hỗ trợ được sử dụng phù hợp không?	

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
HS kiểm tra, rà soát lại bài nói khoảng 2 phút

Bước 3: Báo cáo, thảo luận
- GV gọi 2-3 HS lên trình bày
- HS khác thực hiện nhiệm vụ nghe, ghi

phẩm thơ, cách sử dụng ngôn ngữ và các yếu tố phi ngôn ngữ của người nói. Nếu có khía cạnh nào chưa rõ, yêu cầu người nói giải thích thêm.			mà người nghe chưa rõ.
- Bổ sung hoặc chia sẻ một số nội dung giúp người nói có cái nhìn đầy đủ, toàn diện hơn về hai bài thơ được so sánh, đánh giá (chẳng hạn có thể trình bày thêm cơ sở để so sánh, cách trình bày các nội dung so sánh,...).			- Tiếp thu góp ý hoặc trao đổi lại với một số ý kiến nhận xét, đánh giá của người nghe về nội dung và cách thực hiện bài nói.

b. Đánh giá

PHIẾU TỰ NHẬN XÉT QUÁ TRÌNH NGHE VÀ TRAO ĐỔI		
STT	Tiêu chí	Nhận xét
1	Thái độ nghe: đã tập trung và tôn trọng người nói chưa?	
2	Có tích cực ghi chép không?	

chép, trao đổi và hoàn thành phiếu

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét quá trình làm việc nhóm, bài nói và nghe của HS bằng phiếu học tập.

3	Các ý bổ sung đúng vấn đề, có ý nghĩa không?	
4	Câu hỏi phản biện đã hướng đến vấn đề	

PHIẾU TỰ NHẬN XÉT QUÁ TRÌNH NGHE VÀ TRAO ĐỔI		
STT	Tiêu chí	Nhận xét
1	Thái độ nghe: đã tập trung và tôn trọng người nói chưa?	
2	Có tích cực ghi chép không?	
3	Các ý bổ sung đúng vấn đề, có ý nghĩa không?	
4	Câu hỏi phản biện đã hướng đến vấn đề chính của bài nói chưa?	

PHIẾU NHẬN XÉT BÀI NÓI		
STT	Tiêu chí	Nhận xét
1	Giọng nói rõ ràng truyền cảm và dễ nghe không?	
2	Nội dung bài nói đúng yêu cầu và có sức thuyết phục không?	
3	Bố cục bài nói rõ ràng, mạch lạc không?	
4	Các phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng phù hợp không?	
5	Phương tiện hỗ trợ được sử dụng phù hợp không?	

		chính của bài nói chưa?	
--	--	----------------------------	--

Tham khảo bài trình bày kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ *Độc Tiểu Thanh kí* và *Đàn ghi ta của Lor-ca*.

Xin chào các bạn!

Trong thế giới thơ ca, mỗi thi phẩm là một thông điệp tâm hồn mà người nghệ sĩ gửi đến bạn đọc. Ở đó người đọc cùng tác giả trải nghiệm những vui, những buồn, những xót xa, thương giận,... Thế nhưng mỗi nhà thơ đã đào sâu, tìm tòi theo cách khác nhau, để khơi lên những nguồn chưa ai khơi và sáng tạo những gì chưa có. Có lẽ vậy mà tuy cùng đầy tâm tư về những người tài hoa – bạc mệnh nhưng Nguyễn Du và Thanh Thảo, hai nhà thơ thuộc hai thời đại khác nhau đã cất lên những tiếng thơ rất riêng. Để rồi từ đó độc giả được đắm mình trong thế giới thơ ca lấp lánh những sắc màu.

Để có thể so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ, trước hết, tôi xin giới thiệu với các bạn sơ lược về hai tác phẩm và hai tác giả

Về Nguyễn Du và *Độc Tiểu Thanh kí*: Tác giả Nguyễn Du sinh năm 1765, mất năm 1820. Ông là đại thi hào của dân tộc Việt Nam. Thơ ông thể hiện chủ nghĩa nhân đạo mới mẻ, trong đó tiếng nói thương yêu, trân trọng, ngợi ca đối với người phụ nữ trong xã hội xưa bao giờ cũng tha thiết và đầy trăn trở. Bài thơ *Độc Tiểu Thanh kí* nằm trong mạch cảm hứng chung của Nguyễn Du về những người phụ nữ tài sắc mà bất hạnh.

Chúng ta có thể hiểu nhan đề bài thơ theo hai cách: Một là “*Tiểu Thanh kí*” có thể là tên một tập thơ của nàng Tiểu Thanh nên “*Độc Tiểu Thanh kí*” nghĩa là đọc tập thơ của nàng Tiểu Thanh. Hai, “*Tiểu Thanh kí*” có thể hiểu là câu chuyện về nàng Tiểu Thanh. Rất có thể, Nguyễn Du đã đọc truyện về nàng Tiểu Thanh và viết nên bài thơ này.

Về Thanh Thảo và *Đàn ghi ta của Lor-ca*: Tác giả Thanh Thảo được công chúng đặc biệt chú ý bởi những bài thơ và trường ca mang diện mạo độc đáo viết về chiến tranh và thời hậu chiến. Thơ Thanh Thảo là sự lên tiếng của người trí thức nhiều suy tư, trăn trở về các vấn đề xã hội và thời đại. Tuy nhiên, ông muốn cuộc sống phải được cảm nhận và thể hiện ở bề sâu nên luôn khước từ lối biểu đạt dễ dãi. Ông luôn nỗ lực cách tân thơ Việt qua hình thức thơ tự do. Bài thơ *Đàn ghi ta của Lor-ca* rút trong tập “*Khởi vuông Ru – bích*”. Bài thơ thể hiện rõ nét tư duy thơ Thanh Thảo: giàu suy tư, nhuộm màu sắc tượng trưng, siêu thực.

Tiếp ngay sau đây, tôi xin được so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ trên cụ thể qua các mặt:

Đầu tiên, tôi đi vào đánh giá những nét chung: Cả hai bài thơ đều thể hiện niềm đồng cảm sâu sắc, niềm tiếc thương day dứt, đớn đau, phần uất, bất bình cho cái Đẹp bị huỷ diệt, đầy đoạ, dập vùi. Mặt khác, đó cũng chính là những biểu hiện của sự nâng niu, trân trọng cái Đẹp, khẳng định sức sống của cái Đẹp, gắn với khát vọng bất tử hoá cái Đẹp. Từ đó, các tác phẩm hướng con người tới những tình cảm nhân văn cao đẹp, đặt ra những câu hỏi lớn lao cho thời đại, là tiếng nói cất lên từ thời đại nhưng còn đọng lại và có tầm nhân loại....

Sự phân biệt hai tác phẩm sẽ càng được làm rõ nét khi ta so sánh những nét riêng của hai tác phẩm

Về mạch cảm xúc của nhân vật trữ tình: Mỗi tác phẩm hướng tới một đối tượng của cảm xúc khác nhau. *Độc Tiểu Thanh kí* hướng tới nàng Phùng Tiểu Thanh (1594 - 1612), người Quảng Lăng, tỉnh Giang Tô, Trung Quốc. Nàng là cô gái thông minh, tài sắc, giỏi văn chương nhưng bạc mệnh. Năm 16 tuổi, Tiểu Thanh làm lễ một người họ Phùng, bị vợ cả ghen, bắt ra ở một mình trên núi Cô Sơn (Hàng Châu - Trung Quốc), lâm bệnh, mất năm 18 tuổi. Khi nàng mất, người vợ cả đốt hết thơ, từ, chỉ còn sót lại một số bài thơ, từ do nàng viết trên hai tờ giấy gói tặng mấy vật trang sức cho một cô gái (phần dư). Trong khi đó, *Đàn ghi ta của Lor-ca* lại viết về Lor-ca (1898 - 1936) là nhà thơ thiên tài của Tây Ban Nha, người có khát

vọng tự do và cách tân nghệ thuật mãnh liệt, bị chính quyền phản động thân phát xít bắt giam và giết hại.

Cũng chính điều đó đã khiến cảm xúc trong mỗi bài thơ có sự vận động khác nhau: Bài thơ *Độc Tiểu Thanh kí* bắt đầu bằng xúc cảm xót thương cho Tiểu Thanh. Từ đó, tác giả thương cho những kiếp người tài hoa bạc mệnh nói chung rồi quay về tự thương mình, cuối cùng hướng tới tương lai để khao khát tri âm. Còn *Đàn ghi ta của Lor-ca*, Thanh Thảo lại đi từ niềm cảm mến đối với Lor-ca – con người tự do, nghệ sĩ cách tân trong khung cảnh chính trị, nghệ thuật Tây Ban Nha. Từ nỗi đau đớn trước cái chết oan khuất của Lor-ca và nỗi xót xa về sự dang dở khát vọng cách tân nghệ thuật của chàng đến niềm xót thương Lor-ca cùng những trăn trở, suy tư về cuộc giải thoát và cách giải tử của Lor-ca.

Đương nhiên sự triển khai cảm xúc khác nhau sẽ dẫn tới sự lựa chọn hình thức thể hiện khác nhau: *Độc Tiểu Thanh kí* được viết bằng thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật dù đòi hỏi rất cao về niêm luật nhưng nhà thơ Nguyễn Du vẫn khéo léo bộc lộ cái tôi rất cá tính và phóng khoáng – đây vốn là điều hiếm có trong văn học trung đại. *Đàn ghi ta của Lor-ca* lại được viết bằng thể thơ tự do, tượng trưng siêu thực bộc lộ cái tôi đa ngã. Về hệ thống hình ảnh: *Độc Tiểu Thanh kí* dùng các hình ảnh *Son phấn, văn chương*,... để biểu tượng cho tài năng văn chương và sắc đẹp của Tiểu Thanh. Còn *Đàn ghi ta của Lor-ca* lại xuất hiện hàng loạt hình ảnh tượng trưng, siêu thực *Áo choàng đỏ gắt, bầu trời, cô gái ấy, cỏ mọc hoang, tiếng đàn*,... để gợi liên tưởng về Lor-ca và cái chết của chàng. Về một số yếu tố hình thức khác: *Độc Tiểu Thanh kí* dùng nghệ thuật đối, câu hỏi tu từ như xoáy vào hồn người, cách xưng tên đa diết khắc khoải, giọng thơ trang trọng mà tràn đầy cảm xúc yêu thương... *Đàn ghi ta của Lor-ca* lại mang một kết cấu lạ: toàn bài thơ giống như một bản giao hưởng về cuộc đời Lor-ca; yếu tố nhạc, yếu tố hoạ đan xen,...

Tất cả những khác biệt đó có lẽ được tạo nên bởi hoàn cảnh sáng tác, nội dung cảm hứng và cá tính sáng tạo riêng của mỗi nhà thơ.

Tóm lại, qua phần so sánh, đánh giá ở trên, chúng ta có thể nhận thấy: Điểm gặp gỡ và những sáng tạo độc đáo của Nguyễn Du và Thanh Thảo trong hai thi phẩm thể hiện rõ nét ý nghĩa của sáng tạo văn chương, mặt khác giúp ta nhận thức được vai trò, nhiệm vụ của nhà văn, của độc giả trong quá trình sáng tạo và thưởng thức văn chương. Cũng chính sự gặp gỡ và nét khác biệt với những sáng tạo độc đáo, thú vị làm nên sự phong phú, giàu có kì diệu của văn học.

Quả thật, *Độc Tiểu Thanh kí* và *Đàn ghi ta của Lor-ca* đã khơi dậy trong con người những cảm xúc thẩm mĩ mới lạ, “thanh lọc” tâm hồn con người theo những cách khác nhau, chấp cánh cho con người bay tới những ước mơ, khát vọng... Hai tác phẩm này chính là sự hiện diện của nhà văn Nguyễn Du và Thanh Thảo trước cuộc đời. Do vậy, chúng sẽ vượt qua được mọi sự băng hoại của thời gian để bắt tử với cuộc đời...

Xin cảm ơn thầy cô và các bạn đã chú ý theo dõi bài thuyết trình! Em mong muốn nhận được những góp ý từ thầy cô và các bạn!

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (5 phút)

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để thuyết trình so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ; biết ứng dụng CNTT vào quá trình học tập.

b. Nội dung: Tổ chức cuộc thi thuyết trình so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ đã học, đã đọc và lưu lại thành video.

c. Sản phẩm: Video giới thiệu.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ về nhà: Hãy so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ em đã đọc hoặc đã học (Lưu thành video clip).

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS tự thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà theo hình thức cá nhân hoặc làm việc theo nhóm tự chọn.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV trình chiếu một số video clip của HS vào đầu buổi học tiếp theo hoặc trong hoạt động ngoại khóa và tổ chức cho HS lựa chọn những video clip xuất sắc để lấy điểm quá trình.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét, đánh giá về buổi thi thuyết trình của HS và kết luận.

5. HOẠT ĐỘNG 5: Củng cố, mở rộng (CẢ BÀI 2)

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập để khắc sâu kiến thức.

b. Nội dung:

- GV giao bài tập, gợi ý cho HS thực hiện tại lớp hoặc ở nhà.
- HS hoạt động nhóm để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm: Đáp án đúng của bài tập

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV chia 4 nhóm thảo luận 4 câu hỏi:

Câu hỏi thảo luận nhóm:

Câu 1. Tìm đọc một bài thơ trung đại Việt Nam, nêu đề tài, chủ đề, thể thơ và chỉ ra một vài biểu hiện của phong cách cổ điển được thể hiện trong bài thơ đó.

Câu 2. Giới thiệu một bài thơ có phong cách lãng mạn và chỉ ra một số biểu hiện nổi bật của phong cách đó trong bài thơ.

Câu 3. Tìm đọc một bài thơ có yếu tố siêu thực (chẳng hạn, *Đây thôn Vĩ Dạ* của Hàn Mặc Tử, *Tì bà* của Bích Khê, *Lá diêu bông* của Hoàng Cầm,...). Chỉ ra và nêu ý nghĩa của một số hình ảnh siêu thực trong bài thơ đó.

Câu 4. So sánh, đánh giá hình tượng người lính được thể hiện trong tác phẩm *Tây Tiến* (Quang Dũng) và một bài thơ cùng đề tài mà bạn đã được học hoặc đọc thêm.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thảo luận, trả lời câu hỏi.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV gọi đại diện nhóm HS trả lời câu hỏi.
- GV bổ sung, hướng dẫn HS trả lời.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV hướng dẫn, yêu cầu HS tự nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS.

GỢI Ý TRẢ LỜI

Câu 1. Đề tài, chủ đề, thể thơ và một vài biểu hiện của phong cách cổ điển được thể hiện trong một bài thơ trung đại Việt Nam:

Bài thơ	Đề tài	Chủ đề	Thể thơ	Biểu hiện của phong cách cổ điển
<i>Nhàn</i> - Nguyễn Bỉnh Khiêm	Lối sống, phong cách sống	Khẳng định quan niệm sống nhàn là hòa hợp với thiên nhiên, coi thường danh lợi, luôn giữ cốt cách thanh cao trong mọi hoàn cảnh của cuộc sống.	Thất ngôn bát cú	Sử dụng điển tích giấc mộng đêm hòe: coi phú quý tựa như chiêm bao

Câu 2. Một số biểu hiện nổi bật của phong cách lãng mạn trong bài thơ *Những sợi tơ lòng* của Chế Lan Viên

Tôi không muốn đất trời xoay chuyển nữa

Vội tháng ngày liền biệt đuổi nhau trôi
Xuân đừng về! Hè đừng gieo ánh lửa!
Thu thôi sang! Đông thôi lại náo lòng tôi!

Quả đất chuyển giây lòng tôi rung động
Nỗi sầu tư nhuần thấm cõi Hư Vô!
Tháng ngày qua, gạch Chàm đua nhau rụng
Tháp Chàm đua nhau đổ dưới trăng mờ!

Lửa hè đến! Nỗi căm hờn vang dậy!
Gió thu sang thấu lạnh cả hồn thơ!
Chiều đông tàn, như mai xuân lộng lẫy
Chỉ nói thêm sầu khổ với ưu tư!

Tạo hoá hỡi! Hãy trả tôi về Chiêm quốc!
Hãy đem tôi xa lánh cõi trần gian!
Muôn cảnh đời chỉ làm tôi churóng mắt!
Muôn vui tươi nhắc mãi về điều tàn!

Hãy cho tôi một tình cầu giá lạnh
Một vì sao trơ trọi cuối trời xa!
Để nơi ấy tháng ngày tôi lẩn tránh
Những ưu phiền, đau khổ với buồn lo!

Các phương diện	Biểu hiện cụ thể
Cảm hứng	- Nhân vật trữ tình: Một người dân Chiêm quốc xưa còn sót lại. - Cảm hứng: Nỗi bi thương trước cảnh điêu tàn đổ nát theo thời gian của đế chế Chămpa.
Hình tượng	- Hình tượng bốn mùa luân chuyển gợi thời gian trôi vô tình. - Hình tượng tháp Chàm đổ nát, hoang phế gợi biết bao bi thương. - Hình tượng vì sao trơ trọi, đơn côi trong tưởng tượng.
Ngôn ngữ	- Nhuộm chút sắc màu siêu thực kết hợp với nhiều từ ngữ bộc lộ trực tiếp cảm xúc. - Tạo ra những kết hợp từ mới lạ độc đáo.
Sử dụng nhiều yếu tố tương phản	Sự đối lập giữa một cái tôi cô đơn nhỏ bé trước sự chảy trôi bất tận của thời gian và vũ trụ vô cùng, vô tận.

Câu 3. Ý nghĩa của một số hình ảnh siêu thực trong bài thơ *Lá diêu bông* của Hoàng Cầm:

- Hình ảnh siêu thực trong bài: lá diêu bông
- Ý nghĩa: Biểu tượng cho một tình yêu trong tưởng tượng, xa vời, mênh mông, không rõ ràng, không nắm bắt nổi bởi nó chính là những xúc cảm đặc biệt mà ta không nghĩ một cậu bé thơ có thể có.

Câu 4. So sánh, đánh giá hình tượng người lính được thể hiện trong tác phẩm *Tây Tiến* (Quang Dũng) và bài thơ *Đồng chí* (Chính Hữu)

Bài thơ	Tây Tiến	Đồng chí
Giống	- <i>Tây Tiến</i> và <i>Đồng chí</i> cùng ra đời năm 1948. - Hai tác giả Quang Dũng và Chính Hữu đều cùng trong quân ngũ (nhà thơ quân đội).	

		- Cả hai sáng tác cùng nói về vẻ đẹp của người chiến sĩ thời chống Pháp.	
Khác	Xuất thân	Chiến sĩ Tây Tiến (trong đó có tác giả) số đông ra đi từ Hà Nội thanh lịch. Họ là những thanh niên trí thức.	Những người nông dân mặc áo lính.
	Điều kiện và hoàn cảnh chiến đấu	- Nơi chiến đấu tại vùng biên giới Việt - Lào, môi trường khắc nghiệt. - Hành trình qua địa hình rộng lớn, đầy khó khăn. - Đối mặt với điều kiện chiến đấu thiếu thốn, căn bệnh sốt rét đe dọa. - Thường xuyên có những người hi sinh do bệnh tật và bom đạn.	- Nơi chiến đấu ở vùng Việt Bắc hoang sơ, môi trường khắc nghiệt. - Phải đối mặt với căn bệnh sốt rét rừng. - Thiếu thốn về vật chất, cuộc chiến đầy gian khổ và khó khăn.
	Ngoại hình	Dáng vẻ dữ dằn, oai phong, mạnh mẽ.	Người lính đơn sơ, giản dị chân chất.
	Phẩm chất	- Tinh thần chiến đấu hào hùng, kiên trì với lý tưởng. - Tâm hồn trẻ trung, lãng mạn và bay bổng, là nguồn động viên giúp lính trở nên mạnh mẽ và kiên cường.	- Tinh thần chiến đấu kiên cường, bất khuất vượt qua mọi khó khăn, gian khổ. - Tình đồng chí đậm sâu.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Hoàn thành các bài tập vận dụng và củng cố, mở rộng, ứng dụng các phần mềm hỗ trợ trên mạng.

- Chuẩn bị bài 3: Lập luận trong văn nghị luận.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Nguyễn Thị Bích, KHBD môn Ngữ văn lớp 12, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam.
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1, 2, 3 được tập huấn.
- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....

.....

.....

